

mắc, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về liên Bộ để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Đỗ Quang Trung

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Nguyễn Thị Hằng

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Nguyễn Sinh Hùng

***NỘI VỤ - LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI - TÀI CHÍNH -
ỦY BAN DÂN TỘC***

**THÔNG TƯ liên tịch số 11/2005/
TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-
UBDT ngày 05/01/2005 hướng
dẫn thực hiện chế độ phụ cấp
khu vực.**

Thi hành Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP

ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước, liên tịch Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Cán bộ, công chức (kể cả công chức dự bị), viên chức, những người đang trong thời gian tập sự, thử việc và lao động hợp đồng đã được xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định làm việc trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập.

2. Cán bộ chuyên trách và công chức ở xã, phường, thị trấn.

3. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế nhà nước và hưởng lương theo bảng lương do Nhà nước quy định được cử đến làm việc tại các hội, các tổ chức phi Chính phủ, các dự án và các cơ quan, tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam.

4. Người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu.

5. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong các cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân.

6. Những người làm việc trong các công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp

nhà nước, Quỹ hỗ trợ phát triển và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (sau đây gọi chung là công ty nhà nước), gồm:

a) Thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát.

b) Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng (không kể Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng làm việc theo hợp đồng).

c) Công nhân, nhân viên trực tiếp sản xuất kinh doanh; viên chức chuyên môn, nghiệp vụ và nhân viên thừa hành, phục vụ làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động.

7. Những người nghỉ hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng trợ cấp hàng tháng thay lương.

8. Thương binh (kể cả thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh), bệnh binh hưởng trợ cấp hàng tháng mà không phải là người hưởng lương, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

II. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH VÀ CÁCH TÍNH TRẢ PHỤ CẤP KHU VỰC

1. Nguyên tắc xác định phụ cấp khu vực:

a) Các yếu tố xác định phụ cấp khu vực:

Yếu tố địa lý tự nhiên như: khí hậu xấu, thể hiện ở mức độ khắc nghiệt về nhiệt độ, độ ẩm, độ cao, áp suất không khí, tốc độ gió, ...cao hơn hoặc thấp hơn so với bình thường, làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người;

Xa xôi, hẻo lánh (mật độ dân cư thưa thớt, xa các trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế, xa đất liền...), đường xá, cầu cống, trường học, cơ sở y tế, dịch vụ thương mại thấp kém, đi lại khó khăn, ảnh hưởng đến đời sống vật chất và tinh thần của con người;

Ngoài ra, khi xác định phụ cấp khu vực có thể xem xét bổ sung các yếu tố đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, sinh lầy.

b) Phụ cấp khu vực được quy định chủ yếu theo địa giới hành chính xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã). Các cơ quan, đơn vị, công ty nhà nước đóng trên địa bàn xã nào thì hưởng theo mức phụ cấp khu vực của xã đó. Một số trường hợp đặc biệt đóng xa dân hoặc giáp ranh với nhiều xã được xem xét để quy định mức phụ cấp khu vực riêng.

c) Khi các yếu tố dùng xác định phụ cấp khu vực hoặc địa bàn xã thay đổi (chia, nhập, thành lập mới,...), phụ cấp khu vực được xác định hoặc điều chỉnh lại cho phù hợp.

2. Mức phụ cấp khu vực:

a) Phụ cấp khu vực được quy định gồm 7 mức: 0,1; 0,2; 0,3; 0,4; 0,5; 0,7 và 1,0 so với mức lương tối thiểu chung; mức 1,0 chỉ áp dụng đối với những hải đảo đặc biệt khó khăn, gian khổ như quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Mức tiền phụ cấp khu vực được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức tiền phụ cấp khu vực} = \text{Hệ số phụ cấp khu vực} \times \text{Mức lương tối thiểu chung}$$

Ví dụ 1. Theo mức tối thiểu chung 290.000 đồng/tháng, thì các mức tiền phụ cấp khu vực thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 như sau:

Mức	Hệ số phụ cấp khu vực	Mức tiền phụ cấp khu vực thực hiện 01/10/2004
1	0,1	29.000 đồng
2	0,2	58.000 đồng
3	0,3	87.000 đồng
4	0,4	116.000 đồng
5	0,5	145.000 đồng
6	0,7	203.000 đồng
7	1,0	290.000 đồng

Đối với hạ sĩ quan và chiến sĩ nghĩa vụ thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân, mức tiền phụ cấp khu vực được tính so với mức phụ cấp quân hàm binh nhì theo công thức sau:

$$\text{Mức tiền phụ cấp khu vực} = \text{Hệ số phụ cấp khu vực} \times \text{Mức lương tối thiểu chung} \times 0,4$$

Ví dụ 2. Theo mức lương tối thiểu chung 290.000 đồng/tháng, thì các mức tiền phụ cấp khu vực của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 như sau:

Mức	Hệ số phụ cấp khu vực	Mức tiền phụ cấp khu vực thực hiện 01/10/2004
1	0,1	11.600 đồng
2	0,2	23.200 đồng
3	0,3	34.800 đồng
4	0,4	46.400 đồng
5	0,5	58.000 đồng
6	0,7	81.200 đồng
7	1,0	116.000 đồng

b) Căn cứ vào các yếu tố xác định các mức phụ cấp khu vực quy định tại Thông tư này và mức phụ cấp khu vực hiện hưởng của các xã và các đơn vị trong cả nước, liên Bộ ban hành danh mục các địa bàn xã và một số đơn vị được hưởng phụ cấp khu vực tại phụ lục kèm theo Thông tư này.

3. Cách tính trả phụ cấp khu vực:

a) Phụ cấp khu vực được xác định, tính trả theo nơi làm việc đối với những người đang làm việc; được xác định, tính toán, chi trả theo nơi đăng ký thường trú và nhận lương hưu, trợ cấp thay lương đối với người nghỉ hưu và người hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định.

a) Phụ cấp khu vực được trả cùng kỳ lương, phụ cấp, trợ cấp hàng tháng.

c) Trường hợp đi công tác, đi học, điều trị, điều dưỡng có thời hạn từ một tháng trở lên thì hưởng phụ cấp khu vực theo mức quy định ở nơi công tác, học tập, điều trị, điều dưỡng kể từ ngày đến nơi mới; nếu nơi mới đến không có phụ cấp khu vực thì thôi hưởng phụ cấp khu vực ở nơi trước khi đi.

4. Nguồn kinh phí chi trả phụ cấp khu vực:

a) Đối với những người đang làm việc:

Đối với các cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ, phụ cấp khu vực do ngân sách nhà nước chi trả theo phân cấp ngân sách hiện hành trong dự toán ngân sách được giao hàng năm cho cơ quan, đơn vị;

Đối với các cơ quan thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính và các đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ tài chính, phụ cấp khu vực do cơ quan, đơn vị chi trả từ nguồn kinh phí khoán và nguồn tài chính được giao tự chủ;

Đối với các công ty nhà nước, phụ cấp khu vực được tính vào đơn giá tiền lương và hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh.

b) Đối với những người nghỉ hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng trợ cấp hàng tháng thay lương; thương binh, bệnh binh hưởng trợ cấp hàng tháng mà không phải là người hưởng lương, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội:

Đối với các đối tượng do ngân sách nhà nước chi trả, phụ cấp khu vực được chi trả theo phân cấp ngân sách hiện hành;

Đối với các đối tượng do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả, phụ cấp khu vực do Quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Thủ trưởng Bộ, ngành Trung ương) căn cứ vào danh mục các địa bàn xã và một số đơn vị được hưởng mức phụ cấp khu vực quy định tại Thông tư này chỉ đạo

các đơn vị chức năng tổ chức thực hiện. Trường hợp cần điều chỉnh (tăng, giảm) hoặc bổ sung phụ cấp khu vực phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Trên nguyên tắc quản lý theo lãnh thổ, các cơ quan, đơn vị đóng tại địa phương có văn bản gửi Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân huyện), Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cân đối tổng hợp, sau đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi Bộ Nội vụ xem xét, quyết định.

Riêng các cơ quan, đơn vị, công ty nhà nước trực thuộc các Bộ, ngành đóng xa dân hoặc giáp ranh với nhiều xã thì Thủ trưởng Bộ, ngành Trung ương đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, cân đối chung.

b) Hồ sơ đề nghị giải quyết hưởng phụ cấp khu vực gồm các nội dung sau:

Địa bàn đề nghị hưởng phụ cấp khu vực (xã, phường, thị trấn; ranh giới cơ quan, đơn vị, công ty nhà nước), thuyết minh và phân định rõ địa giới hành chính của đơn vị đề nghị hưởng phụ cấp khu vực, vẽ bản đồ địa giới hành chính xã, phường, thị trấn (hoặc cơ quan, đơn vị, công ty nhà nước giáp ranh với nhiều xã, phường, thị trấn) với đường giao thông thủy, bộ, độ cao hoặc thấp so với mặt nước biển;

Thuyết minh cụ thể các yếu tố liên quan đến việc xác định hưởng phụ cấp khu vực, mức phụ cấp khu vực đang hưởng của các xã lân cận (nếu có) và mức phụ cấp khu vực đề nghị được áp dụng;

Dự tính số lượng đối tượng hưởng phụ cấp khu vực trên địa bàn và nhu cầu kinh phí để thực hiện việc điều chỉnh hoặc bổ sung phụ cấp khu vực cho các đối tượng có liên quan trên địa bàn (trong đó tính riêng cho số đối tượng hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước).

2. Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh và của các Bộ, ngành ở Trung ương, Bộ Nội vụ xem xét, quyết định sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc.

IV. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 03/2001/TTLT-BLĐTBXH-BTC-UBDTMN ngày 18 tháng 01 năm 2001 của liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc và Miền núi (nay là Ủy ban Dân tộc) hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực.

2. Chế độ phụ cấp khu vực quy định tại Thông tư này được tính hưởng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004.

3. Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể, thực hiện chế độ phụ cấp khu vực theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng

2963160

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft *

mắc, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về liên Bộ để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Đỗ Quang Trung

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

Nguyễn Thị Hằng

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Nguyễn Sinh Hùng

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
ỦY BAN DÂN TỘC**

Ksor Phước

Phụ lục

**MỨC PHỤ CẤP KHU VỰC CỦA
CÁC ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ**

(ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của liên tịch Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc).

I. TỈNH LÀO CAI

1. Thành phố Lào Cai:

- Hệ số 0,3: Các phường: Duyên Hải, Lào Cai, Phố Mới, Cốc Lếu, Kim Tân, Bắc Lệnh, Pom Hán, Xuân Tăng, Thống Nhất, Bắc Cường, Nam Cường, Bình Minh; các xã: Đồng Tuyển, Vạn Hòa, Cam Đường, Tả Phời, Hợp Thành.

2. Huyện Bát Xát:

- Hệ số 0,7: Các xã: Phìn Ngan, Nậm Chạc, A Mú Sung, A Lù, Pa Cheo, Nậm Pung, Dền Thành, Trung Lèng Hồ, Sàng Ma Sáo, Dền Sáng, Ngải Thầu, Y Tý, Bản Xèo, Mường Hum.

- Hệ số 0,5: Các xã: Trịnh Tường, Cốc Mỳ, Bản Vược, Mường Vỵ, Tòng Sánh.

- Hệ số 0,4: Các xã: Cốc San, Quang Kim, Bản Qua, Thị trấn Bát Xát.

3. Huyện Mường Khương:

- Hệ số 0,7: Các xã: Pha Long, Tả Ngải Chồ, Tung Chung Phố, Dìn Chìn, Tả Gia Khâu, Nậm Chạy, Nậm Lự, Lùng Khẩu Nhìn, Thanh Bình, Cao Sơn, Lùng Vai, La Pan Tẩn, Tả Thàng.

- Hệ số 0,5: Các xã: Mường Khương, Bản Lâu, Bản Sen.

4. Huyện Si Ma Cai:

- Hệ số 0,7: Các xã: Si Ma Cai, Nàn Sán, Thào Chư Phìn, Bản Mế, Sán Chải, Mản Thẩn, Lùng Sui, Cán Cấu, Sín Chéng, Cán Hồ, Quan Thân Sán, Lử Thẩn, Nàn Xín.

5. Huyện Bắc Hà:

- Hệ số 0,7: Các xã: Lùng Cải, Bản Già, Lùng Phình, Tả Van Chư, Tả Củ

Tỷ, Thải Giàng Phố, Lầu Thí Ngài, Hoàng Thu Phố, Bản Phố, Bản Liên, Nậm Đét, Nậm Khánh, Nậm Lúc, Bản Cái.

- Hệ số 0,5: Thị trấn Bắc Hà, các xã: Tà Chải, Bảo Nhai, Na Hối, Nậm Mòn, Cốc Ly, Cốc Lầu.

6. Huyện Bảo Thắng:

- Hệ số 0,4: Các xã: Bản Phiệt, Xuân Giao, Bản Cầm, Phú Nhuận, Thị trấn Tầng Loỏng, Thị trấn Nông trường Phong Hải.

- Hệ số 0,3: Các xã: Thái Niên, Phong Niên, Gia Phú, Xuân Quang, Sơn Hải, Trì Quang, Sơn Hà, Phố Lu, Thị trấn Phố Lu.

7. Huyện Bảo Yên:

- Hệ số 0,7: Xã Tân Tiến.

- Hệ số 0,5: Xã Nghĩa Đô.

- Hệ số 0,4: Các xã: Xuân Hòa, Vĩnh Yên, Điện Quan, Thượng Hà, Cam Cọn.

- Hệ số 0,3: Các xã: Tân Dương, Kim Sơn, Minh Tân, Xuân Thượng, Việt Tiến, Yên Sơn, Bảo Hà, Lương Sơn, Long Phúc, Long Khánh; Thị trấn Phố Ràng.

8. Huyện Sa Pa:

- Hệ số 0,7: Các xã: Bản Hồ, Nậm Cang, Nậm Sài, Tả Van, Bản Khoang, Tả Giàng Phình, Lao Chải, San Sản Hồ, Tả Phìn.

- Hệ số 0,5: Các xã: Trung Chải, Sa Pả, Bản Phùng, Hầu Thào, Thanh Kim, Suối Thầu, Sử Pán, Thanh Phú.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Sa Pa.

9. Huyện Văn Bàn:

- Hệ số 0,7: Các xã: Nậm Xé, Nậm Xây.

- Hệ số 0,5: Các xã: Khánh Yên Hạ, Nậm Chầy, Minh Lương, Thẩm Dương, Dân Thành, Nậm Dạng, Chiềng Ken, Liêm Phú, Nậm Tha, Nậm Mả.

- Hệ số 0,4: Các xã: Văn Sơn, Võ Lao, Sơn Thủy, Tân Thượng, Tân An, Khánh Yên Thượng, Làng Giàng, Hòa Mạc, Khánh Yên Trung, Dương Quý.

- Hệ số 0,3: Thị trấn Khánh Yên.

II. TỈNH LẠNG SƠN

1. Thành phố Lạng Sơn:

- Hệ số 0,2: Các phường: Hoàng Văn Thụ, Tam Thanh, Vĩnh Trại, Đông Kinh, Chi Lăng; các xã: Hoàng Đồng, Quảng Lạc, Mai Pha.

2. Huyện Tràng Định:

- Hệ số 0,7: Các xã: Đào Viên, Tân Minh, Khánh Long, Đoàn Kết, Vĩnh Tiến.

- Hệ số 0,5: Các xã: Quốc Khánh, Đội Cấn, Tân Yên, Cao Minh, Tân Tiến, Bắc Ái.

- Hệ số 0,4: Các xã: Chí Minh, Trung Thành.

- Hệ số 0,3: Các xã: Tri Phương, Kim Đồng, Chi Lăng, Đại Đồng, Đề Thám, Kháng Chiến, Hùng Sơn, Quốc Việt, Hùng Việt; thị trấn Thất Khê.

3. Huyện Bình Gia:

- Hệ số 0,5: Các xã: Yên Lỗ, Quý Hòa, Hưng Đạo, Vĩnh Yên, Thiện Hòa, Thiện Long, Tân Hòa.

- Hệ số 0,4: Các xã: Hoa Thám, Quang Trung, Hòa Bình, Thiện Thuật, Bình La.

- Hệ số 0,3: Các xã: Hồng Phong, Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, Mông Ân, Tô Hiệu, Hồng Thái, Tân Văn; thị trấn Bình Gia.

4. Huyện Văn Lãng:

- Hệ số 0,5: Các xã: Nhạc Kỳ, Thanh Long, Thụy Hùng, Trùng Quán, Tân Tác, Bắc La, Thành Hòa, Gia Miễn, Nam La, Hồng Thái.

- Hệ số 0,4: Các xã: Hoàng Văn Thụ, Tân Mỹ, Tân Thanh, Tân Lang, Hội Hoan, Trùng Khánh.

- Hệ số 0,3: Các xã: Tân Việt, An Hùng, Hoàng Việt; Thị trấn Na Sầm.

5. Huyện Cao Lộc:

- Hệ số 0,7: Các xã: Thanh Lòa, Cao Lâu, Xuất Lễ, Mẫu Sơn, Công Sơn.

- Hệ số 0,5: Các xã: Bảo Lâm, Song Giáp, Thạch Đạn, Lộc Yên.

- Hệ số 0,4: Các xã: Thụy Hùng, Hải Yến, Hòa Cư.

- Hệ số 0,3: Các xã: Hồng Phong, Phú Xá, Bình Chung, Hợp Thành, Gia Cát, Xuân Long, Tân Liên, Yên Trạch, Tân Thành; thị trấn: Đồng Đăng, Cao Lộc.

6. Huyện Văn Quan:

- Hệ số 0,5: Các xã: Tràng Các, Đông Giáp, Trấn Ninh, Hòa Bình, Phú Mỹ, Hữu Lễ.

- Hệ số 0,4: Các xã: Song Giang, Việt Yên, Tri Lễ.

- Hệ số 0,3: Các xã: Vân Mộng, Vĩnh Lại, Tú Xuyên, Văn An, Đại An, Khánh Khê, Chu Túc, Lương Năng, Xuân Mai, Tràng Sơn, Tân Đoàn, Bình Phúc, Tràng Phái, Yên Phúc; thị trấn Văn Quan.

7. Huyện Bắc Sơn:

- Hệ số 0,5: Các xã: Trấn Yên, Nhật Hòa, Nhật Tiến, Tân Thành, Tân Tri.

- Hệ số 0,4: Các xã: Hưng Vũ, Chiêu Vũ, Vũ Lăng, Tân Lập, Tân Hương, Vũ Lễ, Vạn Thủy.

- Hệ số 0,3: Các xã: Long Đống, Quỳnh Sơn, Đồng Ý, Bắc Sơn, Hữu Vĩnh, Vũ Sơn, Chiến Thắng; thị trấn Bắc Sơn.

8. Huyện Hữu Lũng:

- Hệ số 0,5: Xã Hữu Liên.

- Hệ số 0,4: Các xã: Yên Bình, Quyết Thắng, Thiện Kỳ, Tân Lập.

- Hệ số 0,3: Các xã: Yên Thịnh, Hòa Bình, Hòa Sơn, Tân Thành, Cai Kinh, Yên Vượng, Yên Sơn, Nhật Tiến, Thanh Sơn, Minh Tiến.

- Hệ số 0,2: Các xã: Đồng Tân, Hòa Lạc, Vân Nham, Đồng Tiến, Đô Lương, Minh Sơn, Hồ Sơn, Sơn Hà, Minh Hòa, Hòa Thắng; thị trấn Hữu Lũng.

9. Huyện Chi Lăng:

- Hệ số 0,5: Xã Hữu Kiên.
- Hệ số 0,4: Các xã: Vân An, Chiến Thắng, Liên Sơn, Quan Sơn, Lâm Sơn, Bằng Hữu.
- Hệ số 0,3: Các xã: Vân Thủy, Gia Lộc, Bắc thủy, Mai Sao, Thượng Cường, Bằng Mạc, Nhân Lý, Vạn Linh, Hòa Bình, Quang Lang, Y Tịch, Chi Lăng; Thị trấn Đồng Mỏ, thị trấn Chi Lăng.

10. Huyện Lộc Bình:

- Hệ số 0,7: Các xã: Tĩnh Bắc, Tam Gia, Mẫu Sơn.
- Hệ số 0,5: Các xã: Nhượng Bạ, Minh Phát, Hữu Lân, Xuân Dương, Nam Quan, Ái Quốc, Yên Khoái, Tú Mịch.
- Hệ số 0,4: Các xã: Đông Quan, Lợi Bắc, Xuân Tình, Vân Mộng, Như Khuê, Sần Viên, Khuất Xá, Hiệp Hạ.
- Hệ số 0,3: Các xã: Bằng Khánh, Xuân Lễ, Xuân Mãn, Hữu Khánh, Đồng Bục, Tú Đoạn, Lục Thôn, Quang Bản; thị trấn Na Dương, thị trấn Lộc Bình.

11. Huyện Đình Lập:

- Hệ số 0,7: Xã Bắc Xá.
- Hệ số 0,5: Các xã: Đông Thắng, Kiên Mộc, Bính Xá.
- Hệ số 0,4: Các xã: Lâm Ca, Cường Lợi, Thái Bình, Bắc Lãng, Châu Sơn.
- Hệ số 0,3: Xã Đình Lập; thị trấn Đình Lập, thị trấn Nông trường Thái Bình.

III. TỈNH HÀ GIANG

1. Thị xã Hà Giang:

- Hệ số 0,5: Các xã: Phú Linh, Kim Thạch, Kim Linh.
- Hệ số 0,4: Các phường: Quang Trung, Trần Phú, Nguyễn Trãi, Minh Khai, xã Ngọc Đường.

2. Huyện Đồng Văn:

- Hệ số 0,7: Các xã Lũng Cú, Má Lè, Đồng Văn, Lũng Táo, Phố Là, Thái Phìn Tủng, Sủng Là, Sà Phìn, Tả Phìn, Tả Lũng, Phố Cáo, Sính Lũng, Sảng Tủng, Lũng Thầu, Hồ Quảng Phìn, Vân Chải, Lũng Phìn, Sủng Trái; Thị trấn Phó Bảng.

3. Huyện Mèo Vạc:

- Hệ số 0,7: Các xã: Thượng Phùng, Pải Lũng, Xín Cái, Pả Vi, Giàng Chu Phìn, Sủng Trà, Sủng Máng, Tả Lũng, Sơn Vĩ, Cán Chu Phìn, Lũng Pù, Lũng Chinh, Tát Ngà, Nậm Ban, Khâu Vai, Niêm Sơn; Thị trấn Mèo Vạc.

4. Huyện Yên Minh:

- Hệ số 0,7: Các xã: Thắng Mố, Phú Lũng, Sủng Tráng, Bạch Đích, Na Khê, Sủng Thái, Hữu Vinh, Lao Và Chải, Mậu Duệ, Đông Minh, Mậu Long, Ngam La, Ngọc Long, Đường Thượng, Lũng Hồ, Du Tiến, Du Già; Thị trấn Yên Minh.

5. Huyện Quản Bạ:

- Hệ số 0,7: Các xã: Bát Đại Sơn, Nghĩa Thuận, Cán Tỷ, Cao Mã Pờ, Thanh Vân, Tùng Vài, Đông Hà, Quản Bạ, Lũng

Tám, Quyết Tiến, Tả Ván, Thái An; thị trấn Tam Sơn.

6. Huyện Vị Xuyên:

- Hệ số 0,7: Các xã: Thanh Thủy, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải, Minh Tân.

- Hệ số 0,5: Các xã: Thuận Hòa, Tùng Bá, Phong Quang, Phương Tiến, Phương Độ, Phương Thiện, Cao Bồ, Đạo Đức, Thượng Sơn, Linh Hồ, Quảng Ngần, Việt Lâm, Ngọc Linh, Ngọc Minh, Bạch Ngọc, Trung Thành; thị trấn Vị Xuyên, thị trấn Nông trường Việt Lâm.

7. Huyện Bắc Mê:

- Hệ số 0,5: Các xã: Minh Sơn, Giáp Trung, Yên Định, Yên Phú, Minh Ngọc, Yên Phong, Lạc Nông, Phú Nam, Yên Cường, Thượng Tân, Đường Âm, Đường Hồng, Phiêng Luông.

8. Huyện Hoàng Su Phì:

- Hệ số 0,7: Các xã: Bản Máy, Thàng Tín, Thèn Chu Phìn, Phố Lồ, Bản Phùng, Túng Sán, Chiến Phố, Đản Ván, Tụ Nhân, Tân Tiến, Nàng Đôn, Pờ Ly Ngải, Sán Xả Hồ, Bản Luốc, Ngàm Đẳng Vài, Bản Nhùng, Tả Sủ Choóng, Nậm Dịch, Bản Péo, Hồ Thầu, Nam Sơn, Nậm Ty, Thông Nguyên, Nậm Khòa; Thị trấn Vinh Quang.

9. Huyện Xín Mần:

- Hệ số 0,7: Các xã: Cốc Pài, Nàn Xỉn, Bản Díu, Chí Cà, Xín Mần, Trung Thịnh, Thèn Phàng, Ngán Chiên, Pà Vây Sủ, Cốc Ré, Thu Tà, Nàn Ma, Tả Nhìu, Bản Ngò, Chế Là, Nấm Dẩn, Quảng Nguyên, Nà Chì, Khuôn Lùng.

10. Huyện Bắc Quang:

- Hệ số 0,5: Các xã: Tân Lập, Tân Thành, Đồng Tiến, Đồng Tâm, Tân Quang, Thượng Bình, Hữu Sản, Kim Ngọc, Việt Vinh, Bằng Hành, Quang Minh, Liên Hiệp, Vô Điểm, Việt Hồng, Hùng An, Đức Xuân, Tiên Kiều, Vĩnh Hảo, Vĩnh Phúc, Đồng Yên, Đông Thành; thị trấn Việt Quang, Vĩnh Tuy.

11. Huyện Quang Bình:

- Hệ số 0,5: Các xã: Xuân Minh, Tiên Nguyên, Tân Nam, Bản Rịa, Yên Thành, Yên Bình, Tân Trịnh, Tân Bắc, Bằng Lang, Yên Hà, Hương Sơn, Xuân Giang, Nà Khương, Tiên Yên, Vĩ Thượng.

IV. TỈNH CAO BẰNG

1. Thị xã Cao Bằng:

- Hệ số 0,3: Các phường: Sông Hiến, Sông Bằng, Hợp Giang, Tân Giang; các xã: Ngọc Xuân, Đề Thám, Hòa Chung, Duyệt Chung.

2. Huyện Bảo Lâm:

- Hệ số 0,7: Các xã: Đức Hạnh, Lý Bôn, Nam Quang, Vĩnh Quang, Quảng Lâm, Tân Việt, Vĩnh Phong, Mông Ân, Thái Học, Yên Thổ.

3. Huyện Bảo Lạc:

- Hệ số 0,7: Các xã: Cốc Pàng, Thượng Hà, Cô Ba, Bảo Toàn, Khánh Xuân, Xuân Trường, Hồng Trị, Phan Thanh, Hồng An, Hưng Đạo, Huy Giáp, Đình Phùng, Sơn Lộ.

- Hệ số 0,5: Thị trấn Bảo Lạc.

4. Huyện Thông Nông:

- Hệ số 0,5: Các xã: Cần Yên, Vị Quang, Lương Thông, Đa Thông, Ngọc Động, Yên Sơn, Lương Can, Thanh Long, Bình Lãng.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Thông Nông.

5. Huyện Hà Quảng:

- Hệ số 0,7: Các xã: Lũng Nặm, Vân An, Cải Viên, Tổng Cọt, Sĩ Hai, Hồng Sĩ, Thượng Thôn, Mã Ba, Hạ Thôn, Nội Thôn.

- Hệ số 0,5: Các xã: Kéo Yên, Trường Hà, Nà Sác, Sóc Hà, Quý Quân.

- Hệ số 0,4: Các xã: Xuân Hòa, Đào Ngạn, Phù Ngọc.

6. Huyện Trà Lĩnh:

- Hệ số 0,7: Các xã: Cô Mười, Tri Phương.

- Hệ số 0,5: Các xã: Quang Hán, Quang Vinh, Xuân Nội, Quang Trung, Lưu Ngọc, Cao Chương, Quốc Toản; thị trấn Hùng Quốc.

7. Huyện Trùng Khánh:

- Hệ số 0,7: Các xã: Lãng Yên, Ngọc Chung, Phong Nặm, Ngọc Khê, Đình Phong, Đàm thủy, Cao Thăng.

- Hệ số 0,5: Các xã: Khâm Thành, Chí Viễn, Lãng Hiếu, Phong Châu, Đình Minh, Cảnh Tiên, Trung Phúc, Đức Hồng, Thông Huệ, Thân Giáp, Đoàn Côn.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Trùng Khánh.

8. Huyện Hạ Lang:

- Hệ số 0,7: Các xã: Kim Loan, Thái

Đức, Thị Hoa, Minh Long, Lý Quốc, Đức Quang, Cô Ngân.

- Hệ số 0,5: Các xã: Thắng Lợi, Đồng Loan, Quang Long, An Lạc, Thanh Nhật, Vinh Quý, Việt Chu.

9. Huyện Quảng Uyên:

- Hệ số 0,5: Các xã: Phi Hải, Quảng Hưng, Bình Lãng, Quốc Dân, Quốc Phong, Độc Lập, Cai Bộ, Đoàn Khôn, Phúc Sen, Chí Thảo, Tự Do, Hồng Định, Hồng Quang, Ngọc Động, Hoàng Hải, Hạnh Phúc.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Quảng Uyên.

10. Huyện Phục Hòa:

- Hệ số 0,7: Các xã: Triệu Ấu, Cách Linh, Đại Sơn, Mỹ Hưng.

- Hệ số 0,5: Các xã: Hồng Đại, Lương Thiện, Tiên Thành, Hòa Thuận; thị trấn Tà Lùng.

11. Huyện Hòa An:

- Hệ số 0,5: Các xã: Dân Chủ, Đức Xuân, Ngũ Lão, Công Trừng, Trương Lương.

- Hệ số 0,4: Các xã: Nam Tuấn, Đại Tiến, Nguyễn Huệ, Trưng Vương, Hà Trì, Hồng Nam, Lê Chung, Bạch Đằng, Bình Dương.

- Hệ số 0,3: Các xã: Đức Long, Bình Long, Hồng Việt, Bé Triều, Vĩnh Quang, Hoàng Tung, Quang Trung, Hưng Đạo, Chu Trinh; thị trấn Nước Hai.

12. Huyện Nguyên Bình:

- Hệ số 0,7: Các xã: Mai Long, Hưng Đạo.

- Hệ số 0,5: Các xã: Lang Môn, Minh Thanh, Hoa Thám, Phan Thanh, Quang Thành, Tam Kim, Thành Công, Thịnh Vượng, Minh Tâm, Bắc Hợp, Thái Học, Vũ Nông, Ca Thành, Yên Lạc, Triệu Nguyên, Thê Dục.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Nguyên Bình, Thị trấn Tĩnh Túc.

13. Huyện Thạch An:

- Hệ số 0,5: Các xã: Canh Tân, Thị Ngân, Thụy Hùng, Đức Long, Trọng Con, Đức Thông, Minh Khai, Quang Trọng, Danh Sỹ.

- Hệ số 0,4: Các xã: Vân Trình, Lê Lợi, Đức Xuân.

- Hệ số 0,3: Các xã: Kim Đồng, Thái Cường, Lê Lai; thị trấn Đông Khê.

V. TỈNH LAI CHÂU

1. Huyện Tam Đường

- Hệ số 0,7: Các xã Hồ Thầu, Lả Nhì Thàng, Tả Lèng, Nùng Nàng, Khun Há.

- Hệ số 0,5: Các xã: Thèn Sin, Sùng Phài, Nậm Loỏng, Tam Đường, Bình Lư, Bản Giang, Bản Hòn, Bản Bo, Là Tàm; thị trấn Phong Thổ.

2. Huyện Mường Tè:

- Hệ số 0,7: Các xã: Thu Lũm, Ka Lăng, Pa Ủ, Mường Tè, Pa Vệ Sủ, Mù Cả, Bun Tở, Nậm Khao, Hua Bun, Tả Tổng, Bun Nứa, Kan Hồ, Mường Mô, Nậm Hàng; thị trấn Mường Tè.

3. Huyện Sìn Hồ:

- Hệ số 0,7: Các xã: Lê Lợi, Pú Dao, Chăn Nứa, Huổi Luông, Pa Tần, Phìn Hồ, Hồng Thu, Nậm Ban, Phăng Sô Lin, Ma Quai, Tả Phìn, Sà Dề Phìn, Nậm Tăm, Tả Ngảo, Phu Sam Cáp, Nậm Cha, Làng Mô, Noong Hẻo, Nậm Mạ, Cấn Co, Tủa Sín Chải, Nậm Cuối, Nậm Hăn; thị trấn Sìn Hồ.

4. Huyện Phong Thổ:

- Hệ số 0,7: Các xã: Sì Lờ Lầu, Ma Li Chải, Vàng Ma Chải, Pa Vây Sủ, Mồ Sì San, Tông Qua Lìn, Đào San, Mù Sang, Bản Lang, Ma Ly Pho, Nậm Xe, Sìn Suối Hồ, Hoang Thèn.

- Hệ số 0,5: Các xã: Khổng Lào, Mường So.

5. Huyện Than Uyên:

- Hệ số 0,7: Các xã: Nậm Cắn, Nậm Sỏ, Hố Mít, Tả Mít, Pha Mu, Khoen On, Tả Gia.

- Hệ số 0,5: Các xã: Mường Khoa, Thân Thuộc, Pắc Ta, Mường Than, Mường Mít, Nà Cang, Tả Hừa, Mường Kim.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Than Uyên, Thị trấn Nông trường Than Uyên.

VI. TỈNH ĐIỆN BIÊN

1. Thành phố Điện Biên Phủ:

- Hệ số 0,5: Các phường: Noong Bua, Him Lam, Thanh Bình, Tân Thanh, Mường Thanh, Nam Thanh, Thanh Trường; xã Thanh Minh.

2. Thị xã Lai Châu:

- Hệ số 0,5: Các phường: Sông Đà, Na Lay.

3. Huyện Mường Nhé:

- Hệ số 0,7: Các xã: Sín Thầu, Chung Chải, Mường Nhé, Mường Toong, Chà Cang, Nà Hỳ.

4. Huyện Mường Lay:

- Hệ số 0,7: Các xã: Chà Nưa, Chà Tở, Si Pa Phìn.

- Hệ số 0,5: Các xã: Xá Tổng, Mường Tùng, Lay Nưa, Hừa Ngài, Pa Ham, Huổi Lèng, Mường Mươn; thị trấn Mường Lay.

5. Huyện Tủa Chùa:

- Hệ số 0,7: Các xã: Huổi Sớ, Sín Chải, Tả Sìn Thàng, Lao Xả Phình, Tả Phình, Tủa Thàng, Trung Thu, Sính Phình, Sáng Nhè, Mường Đun, Mường Báng; thị trấn Tủa Chùa.

6. Huyện Tuần Giáo:

- Hệ số 0,7: Các xã: Tênh Phong, Ta Ma, Phình Sáng, Nà Sáy.

- Hệ số 0,5: Các xã: Mùn Chung, Mường Mùn, Pú Nhung, Quài Nưa, Mường Thín, Tỏa Tình, Mường Đăng, Quài Cang, Ảng Tở, Quài Tở, Chiềng Sinh, Búng Lao, Ảng Nưa, Ảng Cang, Mường Lạn; thị trấn Mường Ảng; thị trấn Tuần Giáo.

7. Huyện Điện Biên:

- Hệ số 0,7: Các xã: Mường Nhà, Mường Lói.

- Hệ số 0,5: Các xã: Nà Tấu, Mường Pồn, Thanh Nưa, Mường Phăng, Thanh Luông, Thanh Hưng, Thanh Xương, Thanh Chăn, Pa Thơm, Thanh An, Thanh Yên, Noong Luống, Noọng Hệt, Sam Mứn, Núa Ngam, Na Ư.

8. Huyện Điện Biên Đông:

- Hệ số 0,7: Các xã: Pú Nhi, Xa Dung, Keo Lôm, Luân Giới, Phình Giàng, Háng Lìa, Na Son, Phì Nhừ, Chiềng Sơ, Mường Luân.

VII. TỈNH SƠN LA

1. Thị xã Sơn La:

- Hệ số 0,5: Các phường: Tô Hiệu, Quyết Tâm; các xã: Chiềng Cọ, Chiềng Đen, Chiềng Xôm, Chiềng An, Chiềng Cối, Chiềng Ngần, Hua La, Chiềng Sinh.

- Hệ số 0,4: Các phường: Chiềng Lê, Quyết Thắng.

2. Huyện Quỳnh Nhai:

- Hệ số 0,5: Các xã Mường Chiên, Cà Nàng, Chiềng Khay, Pha Khinh, Mường Giôn, Pắc Ma, Chiềng Ôn, Mường Giàng, Chiềng Bằng, Mường Sại, Nậm Ét, Liệp Muội, Chiềng Khoang.

3. Huyện Thuận Châu:

- Hệ số 0,7: Các xã: Long Hẹ, Co Tòng, Co Mạ, Pá Lông, Mường Bám.

- Hệ số 0,5: Các xã: Phổng Lái, Mường É, Chiềng Pha, Chiềng La, Chiềng Ngàm, Liệp Tè, É Tòng, Phổng Lập, Chiềng Sơ, Chiềng Ly, Nong Lay, Mường Khiêng,

Chiềng Bôm, Bó Mười, Púng Tra, Nậm Lâu, Muội Nọi, Bản Lầm.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Thuận Châu, các xã: Tòng Lệnh, Chiềng Pắc, Thôn Mòn, Bon Phặng, Tòng Cọ.

4. Huyện Mường La:

- Hệ số 0,7: Các xã: Chiềng Công, Chiềng Muôn, Chiềng Ân, Ngọc Chiến, Hua Trai, Nậm Giôn, Chiềng Lao.

- Hệ số 0,5: Các xã: Ít Ong, Mường Trai, Nậm Păm, Pi Toong, Tạ Bú, Chiềng San, Mường Bú, Chiềng Hoa, Mường Chùm.

5. Huyện Bắc Yên:

- Hệ số 0,7: Các xã: Tà Xùa, Làng Chếu, Xín Vàng, Hang Chú, Bắc Ngà, Chim Vàn, Song Pe.

- Hệ số 0,5: Các xã: Piêng Ban, Mường Khoa, Hồng Ngài, Tạ Khoa, Phiêng Kôn, Chiềng Sại; thị trấn Bắc Yên.

6. Huyện Phù Yên:

- Hệ số 0,7: Các xã: Suối Bau, Suối Tọ, Kim Bon, Sập Xa.

- Hệ số 0,5: Các xã: Mường Thái, Mường Cơi, Quang Huy, Huy Bắc, Huy Thượng, Tân Lang, Gia Phù, Tường Phù, Huy Hạ, Huy Tân, Mường Lang, Huy Tường, Mường Do, Tường Thượng, Tường Tiến, Tường Phong, Tường Hạ, Mường Bang, Đá Đỏ, Tân Phong, Nam Phong, Bắc Phong.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Phù Yên.

7. Huyện Mộc Châu:

- Hệ số 0,5: Các xã: Chiềng Sơn, Tân Hợp, Qui Hương, Suối Bàng, Tân Lập, Nà Mường, Tà Lai, Song Khũa, Liên Hòa, Hua Păng, Tô Múa, Mường Tè, Chiềng Khừa, Đông Sang, Phiêng Luông, Chiềng Khoa, Mường Men, Quang Minh, Lóng Sập, Vân Hồ, Lóng Luông, Chiềng Yên, Xuân Nha.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Mộc Châu, Thị trấn Nông trường Mộc Châu; các xã: Mường Sang, Chiềng Hắc.

8. Huyện Yên Châu:

- Hệ số 0,5: Các xã: Chiềng Đông, Sập Vạt, Chiềng Sàng, Chiềng Pần, Viêng Lán, Chiềng Hặc, Mường Lựm, Chiềng On, Yên Sơn, Chiềng Khoi, Tú Nàng, Lóng Phiêng, Phiêng Khoài, Chiềng Tương; thị trấn Yên Châu.

9. Huyện Mai Sơn:

- Hệ số 0,5: Các xã: Chiềng Sung, Mường Bàng, Chiềng Chăn, Mường Tranh, Chiềng Ban, Chiềng Mung, Mường Bon, Chiềng Chung, Chiềng Mai, Hát Lót, Cò Nòi, Chiềng Nọi, Phiêng Cầm, Chiềng Dong, Chiềng Kheo, Chiềng Ve, Chiềng Lương, Phiêng Phần, Nà Ót, Tà Hộc.

10. Huyện Sông Mã:

- Hệ số 0,7: Các xã: Pú Pẩu, Mường Cai, Mường Sai, Bó Sinh, Chiềng En, Đứa Mòn.

- Hệ số 0,5: Các xã: Chiềng Phung, Mường Lầm, Nậm Ty, Yên Hưng, Chiềng Sơ, Nà Ngự, Nậm Mần, Chiềng Khoong,

Chiềng Cang, Huổi Một, Mường Hung, Chiềng Khương; thị trấn Sông Mã.

11. Huyện Sốp Cộp:

- Hệ số 0,7: Các xã: Sam Kha, Púng Bánh, Dôm Cang, Nậm Lạnh, Mường Lèo, Mường Và, Mường Lạn.

- Hệ số 0,5: Xã Xốp Cộp.

VIII. TỈNH QUẢNG NINH

1. Thị xã Móng Cái:

- Hệ số 0,5: Các xã: Hải Sơn, Vĩnh Trung, Vĩnh Thực.

- Hệ số 0,2: Các xã: Bắc Sơn, Hải Đông, Hải Tiến, Hải Yên, Quảng Nghĩa, Hải Hòa, Hải Xuân, Vạn Ninh, Bình Ngọc.

2. Thị xã Cẩm Phả:

- Hệ số 0,4: Xã Dương Huy.

- Hệ số 0,3: Phường Mông Dương.

- Hệ số 0,2: Các xã: Cộng Hòa, Cẩm Hải.

- Hệ số 0,1: Các phường: Cửa Ông, Cẩm Sơn, Cẩm Đông, Cẩm Phú, Cẩm Tây, Quang Hanh, Cẩm Thịnh, Cẩm Thủy, Cẩm Thạch, Cẩm Thành, Cẩm Trung, Cẩm Bình.

3. Thị xã Uông Bí:

- Hệ số 0,4: Phường Vàng Danh.

- Hệ số 0,3: Xã Thượng Yên Công.

4. Huyện Bình Liêu:

- Hệ số 0,7: Các xã: Hoàn Mô, Đồng Văn.

- Hệ số 0,5: Các xã: Đồng Tâm, Tình Húc, Vô Ngại, Lục Hồn, Húc Động; Thị trấn Bình Liêu.

5. Huyện Tiên Yên:

- Hệ số 0,5: Xã Hà Lâu.

- Hệ số 0,4: Xã Đồng Rui.

- Hệ số 0,3: Các xã: Đại Dực, Phong Dụ, Đông Ngũ, Hải Lạng.

- Hệ số 0,2: Các xã: Diên Xá, Yên Than, Đông Hải, Tiên Lãng; Thị trấn Tiên Yên.

6. Huyện Đầm Hà:

- Hệ số 0,5: Xã Quảng Lâm.

- Hệ số 0,3: Xã Quảng An.

- Hệ số 0,2: Các xã: Tân Bình, Quảng Lợi, Dực Yên, Quảng Tân, Đầm Hà, Đại Bình; Thị trấn Đầm Hà.

7. Huyện Hải Hà:

- Hệ số 0,7: Các xã: Quảng Đức, Quảng Sơn.

- Hệ số 0,5: Xã Cái Chiên.

- Hệ số 0,2: Các xã: Quảng Thành, Quảng Thắng, Quảng Thịnh, Quảng Minh, Quảng Chính, Quảng Long, Quảng Phong, Quảng Trung, Quảng Điền, Đường Hoa, Phú Hải, Tiến Tới; Thị trấn Quảng Hà.

8. Huyện Ba Chẽ:

- Hệ số 0,5: Các xã: Thanh Sơn, Thanh

Lâm, Đạp Thanh, Lương Mông, Đồn Đạc, Minh Cầm; thị trấn Ba Chẽ.

- Hệ số 0,4: Xã Nam Sơn.

9. Huyện Vân Đồn:

- Hệ số 0,5: Các xã: Minh Châu, Quan Lạn, Bản Sen, Ngọc Vũng, Thắng Lợi.

- Hệ số 0,4: Các xã: Đài Xuyên, Vạn Yên.

- Hệ số 0,2: Các xã: Bình Dân, Đoàn Kết, Hạ Long, Đông Xá; thị trấn Cái Rồng.

10. Huyện Hoàn Bồ:

- Hệ số 0,5: Xã Kỳ Thượng.

- Hệ số 0,4: Các xã: Hòa Bình, Tân Dân, Đồng Sơn, Đồng Lâm.

- Hệ số 0,3: Các xã: Vũ Oai, Bằng Cả.

- Hệ số 0,2: Các xã: Dân Chủ, Quảng La, Thống Nhất, Sơn Dương, Lê Lợi; thị trấn Trới.

11. Huyện Đông Triều:

- Hệ số 0,2: Các xã: Tràng Lương, Bình Khê, An Sinh.

- Hệ số 0,1: Thị trấn Mạo Khê.

12. Huyện Yên Hưng:

- Hệ số 0,1: Các xã: Điền Công, Tiên Phong.

13. Huyện Cô Tô:

- Hệ số 0,7: Các xã: Đồng Tiến, Thanh Lâm; thị trấn Cô Tô.

14. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,7: Trạm đèn đảo Thanh Niên (Hòn Sỏi Đen).

- Hệ số 0,1: Trạm đèn Cửa Ông.

IX. TỈNH TUYÊN QUANG

1. Thị xã Tuyên Quang:

- Hệ số 0,2: Các phường: Phan Thiết, Minh Xuân, Tân Quang; các xã: Tràng Đà, Nông Tiến, Ý La, Hưng Thành.

2. Huyện Nà Hang:

- Hệ số 0,5: Các xã: Thúy Loa, Sinh Long, Thượng Giáp, Phúc Yên, Xuân Tân, Thượng Nông, Xuân Lập, Côn Lôn, Yên Hoa, Khuôn Hà, Hồng Thái, Xuân Tiến, Đà Vị, Khau Tinh, Lăng Can, Thượng Lâm, Trùng Khánh, Sơn Phú, Vĩnh Yên, Năng Khả, Thanh Tương.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Nà Hang.

3. Huyện Chiêm Hóa:

- Hệ số 0,4: Các xã: Phúc Sơn, Tân Mỹ, Bình An, Trung Hà, Hà Lang, Tri Phú, Linh Phú, Minh Quang, Kiên Đài.

- Hệ số 0,3: Các xã: Hồng Quang, Thổ Bình, Hùng Mỹ, Yên Lập, Tân An, Bình Phú, Xuân Quang, Ngọc Hội, Phú Bình, Hòa Phú, Phúc Thịnh, Tân Thịnh, Trung Hòa, Kim Bình, Hòa An, Quang Vinh, Nhân Lý, Yên Nguyên, Bình Nhân.

- Hệ số 0,2: Thị trấn Vĩnh Lộc.

4. Huyện Hàm Yên:

- Hệ số 0,4: Các xã: Yên Thuận, Phù Lưu, Bạch Xa, Minh Khương, Minh Hương, Minh Dân.

- Hệ số 0,3: Các xã: Yên Lâm, Yên Phú, Tân Thành, Bình Xa, Thái Sơn, Nhân Mục, Thành Long, Bằng Cốc, Thái Hòa, Đức Ninh, Hùng Đức.

- Hệ số 0,2: Thị trấn Tân Yên.

5. Huyện Yên Sơn:

- Hệ số 0,4: Các xã: Trung Minh, Kiến Thiết.

- Hệ số 0,3: Các xã: Trung Trực, Quý Quân, Hùng Lợi, Trung Sơn, Kim Quan, Công Đa.

- Hệ số 0,2: Các xã: Lục Hành, Chiêu Yên, Xuân Vân, Phúc Ninh, Tân Tiến, Tú Quận, Đạo Viện, Tân Long, Thắng Quân, Lang Quán, Phú Thịnh, Trung Môn, Chân Sơn, Thái Bình, Kim Phú, Tiến Bộ, An Khang, Mỹ Bằng, Phú Lâm, An Tường, Lương Vượng, Hoàng Khai, Thái Long, Đội Cấn, Nhữ Hán, Nhữ Khê, Đội Bình; Thị trấn Tân Bình.

6. Huyện Sơn Dương:

- Hệ số 0,3: Các xã: Trung Yên, Lương Thiện, Kháng Nhật.

- Hệ số 0,2: Các xã: Minh Thanh, Tân Trào, Vĩnh Lợi, Thượng Ấm, Bình Yên, Tú Thịnh, Cáp Tiến, Hợp Thành, Phúc Ứng, Đông Thọ, Hợp Hòa, Thanh Phát, Quyết Thắng, Đồng Quý, Tuân Lộ; Thị trấn Sơn Dương.

X. TỈNH YÊN BÁI

1. Thành phố Yên Bái:

- Hệ số 0,2: Các phường: Yên Thịnh, Yên Ninh, Minh Tân, Nguyễn Thái Học, Đồng Tâm, Nguyễn Phúc, Hồng Hà; các xã: Minh Bảo, Nam Cường, Tuy Lộc, Tân Thịnh.

2. Thị xã Nghĩa Lộ:

- Hệ số 0,3: Các phường: Pú Trạng, Trung Tâm, Tân An, Cầu Thia; các xã: Nghĩa Lợi, Nghĩa Phúc, Nghĩa An.

3. Huyện Lục Yên:

- Hệ số 0,5: Các xã: Tân Phượng, Khánh Thiện, Lâm Thượng.

- Hệ số 0,4: Các xã: Khai Trung, Minh Chuẩn, Mai Sơn, Minh Xuân.

- Hệ số 0,3: Các xã: Mường Lai, An Lạc, Tô Mậu, Tân Lĩnh, Yên Thắng, Khánh Hòa, Vĩnh Lạc, Liễu Đô, Động Quan, Tân Lập, Minh Tiến, Trúc Lô, Phúc Lợi, Phan Thanh, An Phú, Trung Tâm; Thị trấn Yên Thế.

4. Huyện Văn Yên:

- Hệ số 0,5: Các xã: Xuân Tầm, Phong Dụ Hạ, Phong Dụ Thượng, Nà Hẩu, Mỏ Vàng, Đại Sơn, Viễn Sơn.

- Hệ số 0,4: Các xã: Lang Thíp, Lâm Giang.

- Hệ số 0,3: Các xã: Châu Quế Thượng, Châu Quế Hạ, An Bình, Quang Minh, Đông An, Đông Công, Mậu Đông, Ngòi

A, Tân Hợp, An Thịnh, Yên Thái, Yên Hợp, Yên Hưng, Đại Phác, Yên Phú, Xuân Ái, Hoàng Thắng; Thị trấn Mậu A.

5. Huyện Mù Căng Chải:

- Hệ số 0,7: Các xã: Hồ Bồn, Nậm Có, Khao Mang, Mồ Dê, Chế Cu Nha, Lao Chải, Kim Nội, Cao Phạ, La Pán Tản, Dế Su Phình, Chế Tạo, Púng Luông, Nậm Khắt; Thị trấn Mù Căng Chải.

6. Huyện Trấn Yên:

- Hệ số 0,4: Các xã: Kiên Thành, Hồng Ca.

- Hệ số 0,3: Các xã: Tân Đồng, Báo Đáp, Đào Thịnh, Việt Thành, Hòa Công, Minh Quán, Quy Mông, Cường Thịnh, Nga Quán, Y Can, Minh Tiến, Lương Thịnh, Âu Lâu, Giới Phiên, Hợp Minh, Văn Tiến, Phúc Lộc, Văn Lãng, Văn Phú, Bảo Hưng, Việt Cường, Minh Quân, Hưng Thịnh, Hưng Khánh, Việt Hồng, Vân Hội; Thị trấn Cổ Phúc.

7. Huyện Trạm Tấu:

- Hệ số 0,7: Các xã: Túc Đán, Pá Lau, Xà Hồ, Phình Hồ, Trạm Tấu, Tà Si Láng, Pá Hu, Làng Nhì, Bản Công, Bản Mù, Hát Lìu; Thị trấn Trạm Tấu.

8. Huyện Văn Chấn:

- Hệ số 0,5: Các xã: Sùng Đô, Suối Giàng, Suối Bu, Suối Quyên, Nậm Mười, Nậm Lành, An Lương.

- Hệ số 0,4: Xã Nghĩa Sơn.

- Hệ số 0,3: Các xã: Tú Lệ, Nậm Búng, Gia Hội, Sơn Lương, Sơn A, Phù Nham,

Sơn Thịnh, Thanh Lương, Hạnh Sơn, Phúc Sơn, Thạch Lương, Đại Lịch, Đồng Khê, Cát Thịnh, Tân Thịnh, Chấn Thịnh, Bình Thuận, Thượng Bằng La, Minh An, Nghĩa Tâm; Thị trấn Nông trường Liên Sơn, thị trấn Nông trường Nghĩa Lộ, thị trấn Nông trường Trần Phú.

9. Huyện Yên Bình:

- Hệ số 0,3: Các xã: Xuân Long, Ngọc Chấn, Tích Cốc, Cẩm Nhân, Phúc Ninh, Mỹ Gia, Xuân Lai, Yên Thành, Phúc An.

- Hệ số 0,2: Các xã: Tân Nguyên, Bảo Ái, Mông Sơn, Cẩm Ân, Tân Hương, Bạch Hà, Vũ Linh, Đại Đồng, Vĩnh Kiên, Yên Bình, Thịnh Hưng, Hán Đà, Phú Thịnh, Đại Minh; Thị trấn Yên Bình, thị trấn Thác Bà.

XI. TỈNH THÁI NGUYÊN

1. Thị xã Sông Công:

- Hệ số 0,1: Xã Bình Sơn.

2. Huyện Định Hóa:

- Hệ số 0,5: Các xã: Linh Thông, Lam Vỹ, Quy Kỳ, Tân Thịnh, Bảo Linh, Đồng Thịnh, Định Biên, Thanh Định, Bình Yên, Diêm Mặc, Phú Đình.

- Hệ số 0,4: Các xã: Phượng Tiến, Trung Hội, Trung Lương, Phú Tiến, Bộc Nhiêu, Sơn Phú, Bình Thành, Kim Sơn, Kim Phượng, Tân Dương, Phúc Chu, Bảo Cường.

- Hệ số 0,3: Thị trấn Chợ Chu.

3. Huyện Phú Lương:

- Hệ số 0,3: Xã Yên Trạch.
- Hệ số 0,2: Các xã: Yên Ninh, Yên Đổ, Yên Lạc, Ôn Lương, Động Đạt, Phú Lý, Phú Đô, Hợp Thành, Túc Tranh, Phấn Mễ, Vô Tranh, Cổ Lũng, Sơn Cẩm; Thị trấn Giang Tiên, thị trấn Đu.

4. Huyện Đông Hỷ:

- Hệ số 0,4: Xã Văn Lăng.
- Hệ số 0,3: Xã Tân Long.
- Hệ số 0,2: Các xã: Hòa Bình, Văn Hán, Cây Thị, Hợp Tiến, Quang Sơn, Thị trấn Trại Cau.
- Hệ số 0,1: Các xã: Minh Lập, Hóa Trung, Khe Mo, Hóa Thượng, Cao Ngạn, Linh Sơn, Tân Lợi, Nam Hòa, Đồng Bẩm, Huống Thượng.

5. Huyện Võ Nhai:

- Hệ số 0,5: Các xã: Phương Giao, Thần Xa, Thượng Nung, Sảng Mộc, Vũ Chấn, Nghinh Tường.
- Hệ số 0,4: Các xã: Dân Tiến, Bình Long.
- Hệ số 0,3: Các xã: Tràng Xá, Liên Minh, Cúc Đường.
- Hệ số 0,2: Các xã: Phú Thượng, La Hiên, Lâu Thượng; Thị trấn Đình Cả.

6. Huyện Đại Từ:

- Hệ số 0,2: Các xã: Phúc Lương, Minh Tiến, Đức Lương, Phú Lạc, Na Mao, Cát Nê, Phục Linh, Phú Cường, Phú Xuyên,

La Bằng, Tân Linh, Hoàng Nông, Mỹ Yên, Văn Yên, Ký Phú, Quân Chu, Yên Lãng.

- Hệ số 0,1: Các xã: Phú Thịnh, Bản Ngoại, Tiên Hội, Hùng Sơn, Cù Vân, Hà Thượng, Khôi Kỳ, An Khánh, Tân Thái, Bình Thuận, Lục Ba, Vạn Thọ; Thị trấn Đại Từ, thị trấn Quân Chu.

7. Huyện Phổ Yên:

- Hệ số 0,2: Các xã: Phúc Thuận, Phúc Tân.
- Hệ số 0,1: Các xã: Thành Công, Minh Đức.

8. Huyện Phú Bình:

- Hệ số 0,1: Các xã: Bàn Đạt, Tân Thành, Tân Kim, Tân Khánh, Tân Hòa.

XII. TỈNH BẮC KẠN

1. Thị xã Bắc Kạn:

- Hệ số 0,3: Các phường: Nguyễn Thị Minh Khai, Sông Cầu, Đức Xuân, Phùng Chí Kiên; các xã: Huyền Tụng, Dương Quang, Nông Thượng, Xuất Hóa.

2. Huyện Pác Nặm:

- Hệ số 0,7: Các xã: Cổ Linh, Xuân La, Bộc Bó, Bằng Thành, Nhạn Môn, Giáo Hiệu, Công Bằng, An Thắng.

- Hệ số 0,5: Các xã: Nghiên Loan, Cao Tân.

3. Huyện Ba Bể:

- Hệ số 0,5: Các xã: Bành Trạch, Phúc

Lộc, Cao Thượng, Cao Trĩ, Nam Mẫu, Thượng Giáo, Địa Linh, Yến Dương, Chu Hương, Quảng Khê, Mỹ Phương, Hoàng Trĩ, Đồng Phúc.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Chợ Rã; các xã: Hà Hiệu, Khang Ninh.

4. Huyện Ngân Sơn:

- Hệ số 0,7: Xã Cốc Đán, Thượng Quan.

- Hệ số 0,5: Các xã Thượng Ân, Bằng Vân, Đức Vân, Vân Tùng, Thuận Mang, Hương Nê.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Nà Phặc, các xã: Lãng Ngâm, Trung Hòa.

5. Huyện Bạch Thông:

- Hệ số 0,7: Xã Vũ Muộn.

- Hệ số 0,5: Các xã: Cao Sơn, Sĩ Bình, Đôn Phong.

- Hệ số 0,4: Các xã: Dương Phong, Quang Thuận, Nguyên Phúc, Lục Bình, Mỹ Thanh, Vi Hương.

- Hệ số 0,3: Các xã: Phương Linh, Tú Trĩ, Tân Tiến, Quân Bình, Hà Vị, Cẩm Giàng; thị trấn Phủ Thông.

6. Huyện Chợ Đồn:

- Hệ số 0,7: Xã Bằng Phúc.

- Hệ số 0,5: Các xã: Xuân Lạc, Nam Cường, Đồng Lạc, Tân Lập, Bản Thi, Quảng Bạch, Yên Thịnh, Yên Thượng, Phương Viên, Ngọc Phái, Rã Bản, Đông Viên, Lương Bằng, Bằng Lãng, Đại Sảo, Nghĩa Tá, Phong Huân, Yên Mỹ, Bình Trung, Yên Nhuận; thị trấn Bằng Lũng.

7. Huyện Chợ Mới:

- Hệ số 0,5: Các xã: Tân Sơn, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư.

- Hệ số 0,4: Các xã: Mai Lạp, Thanh Vân.

- Hệ số 0,3: Các xã: Quảng Chu, Như Cố, Nông Hạ, Thanh Mai, Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Thịnh, Thanh Bình.

- Hệ số 0,2: Các xã: Yên Đĩnh; thị trấn Chợ Mới.

8. Huyện Na Rì:

- Hệ số 0,7: Các xã: Kim Hỷ, Xuân Dương, Văn Học, Dương Sơn, Liêm Thủy, Đồng Xá, Lương Thượng, Vũ Loan, Ân Tình.

- Hệ số 0,5: Các xã: Lạng San, Cường Lợi, Lương Hạ, Kim Lư, Lương Thành, Lam Sơn, Văn Minh, Côn Minh, Cư Lễ, Hữu Thác, Hảo Nghĩa, Quang Phong.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Yến Lạc.

XIII. TỈNH HÒA BÌNH

1. Thị xã Hòa Bình:

- Hệ số 0,3: Xã Thái Thịnh.

- Hệ số 0,2: Xã Yên Mông.

- Hệ số 0,1: Các phường: Hòa Bình, Tân Hòa, Thịnh Lang, Hữu Nghị, Tân Thịnh, Đồng Tiến, Phương Lâm, Chăm Mát; các xã: Sủ Ngòi, Dân Chủ, Thái Bình, Thống Nhất.

2. Huyện Đà Bắc:

- Hệ số 0,5: Các xã: Đồng Nghê, Suối Nánh, Đồng Chum, Đoàn Kết, Trung Thành, Giáp Đất, Tân Dân, Tân Pheo, Tân Minh, Đồng Ruộng, Cao Sơn, Mường Tuổng, Mường Chiềng.

- Hệ số 0,4: Các xã: Hào Lý, Tu Lý, Yên Hòa, Toàn Sơn, Hiền Lương, Tiên Phong, Vây Nưa; thị trấn Đà Bắc.

3. Huyện Kỳ Sơn:

- Hệ số 0,3: Xã Phú Minh.

- Hệ số 0,2: Các xã: Độc Lập, Hợp Thịnh.

- Hệ số 0,1: Các xã: Hợp Thành, Phúc Tiến, Dân Hòa, Mông Hóa, Dân Hạ, Trung Minh; thị trấn Kỳ Sơn.

4. Huyện Lương Sơn:

- Hệ số 0,3: Xã Yên Quang.

- Hệ số 0,2: Các xã: Cao Rằm, Tiến Sơn, Trường Sơn, Yên Trung, Yên Bình, Đông Xuân, Hợp Hòa, Liên Sơn, Tiến Xuân.

- Hệ số 0,1: Các xã: Lâm Sơn, Hòa Sơn, Tân Vinh, Nhuận Trạch, Cư Yên, Thành Lập, Trung Sơn; thị trấn Lương Sơn.

5. Huyện Kim Bôi:

- Hệ số 0,3: Các xã: Thượng Tiến, Nuông Dăm, Cuối Hạ, Bắc Sơn.

- Hệ số 0,2: Các xã: Hợp Châu, Đú Sáng, Tân Thành, Lập Chiêng, Hạ Bì, Trung Bì, Thượng Bì, Long Sơn, Nam Thượng, Sào Báy, Kim Bôi, Vĩnh Tiến,

Tú Sơn, Đông Bắc, Hợp Đồng, Sơn Thủy, Mi Hòa, Bình Sơn, Kim Truy, Kim Tiến, Kim Sơn, Nật Sơn, Hùng Tiến, Vĩnh Đồng, Hợp Kim, Kim Bình.

- Hệ số 0,1: Các xã: Cao Dương, Cao Thắng, Thanh Lương, Hợp Thanh, Thanh Nông; thị trấn Bo, thị trấn Thanh Hà.

6. Huyện Cao Phong:

- Hệ số 0,3: Các xã: Yên Thượng, Yên Lập, Thung Nai, Xuân Phong.

- Hệ số 0,2: Các xã: Nam Phong, Tân Phong, Bắc Phong, Bình Thanh.

- Hệ số 0,1: Các xã: Thu Phong, Đông Phong, Tây Phong, Dũng Phong; thị trấn Cao Phong.

7. Huyện Tân Lạc:

- Hệ số 0,4: Các xã: Bắc Sơn, Nam Sơn, Lũng Vân, Ngổ Luông, Quyết Chiến, Ngòi Hoa.

- Hệ số 0,3: Các xã: Trung Hòa, Gia Mô, Lỗ Sơn, Do Nhân, Phú Vinh, Quy Mỹ.

- Hệ số 0,2: Các xã: Đông Lai, Ngọc Mỹ, Mỹ Hòa, Tử Nê, Quy Hậu, Phú Cường, Thanh Hối, Địch Giáo.

- Hệ số 0,1: Các xã: Phong Phú, Mãn Đức, Tuân Lộ; thị trấn Mường Khén.

8. Huyện Mai Châu:

- Hệ số 0,5: Các xã: Nong Luông, Pù Pin, Cùn Pheo, Tân Mai, Pà Cò, Hang Kia, Piềng Vế, Bao La, Tân Sơn, Săm Khỏe, Mai Hịch, Nà Mèo.

- Hệ số 0,4: Các xã: Phúc Sơn, Ba Khan, Đồng Bằng, Tòng Đậu, Thung Khe, Nà Phòn, Chiềng Châu, Mai Hạ, Vạn Mai; thị trấn Mai Châu.

9. Huyện Lạc Sơn:

- Hệ số 0,4: Xã Ngọc Sơn.
- Hệ số 0,3: Các xã: Miên Đồi, Ngọc Lâu, Tự Do, Bình Hẻm, Văn Nghĩa, Quý Hòa, Tuân Đạo, Mỹ Thành, Phú Lương.
- Hệ số 0,2: Các xã: Nhân Nghĩa, Văn Sơn, Tân Lập, Tân Mỹ, Chí Đạo, Chí Thiện, Phúc Tuy, Yên Phú, Định Cư, Hương Nhượng, Bình Cảng, Bình Chân.
- Hệ số 0,1: Các xã: Liên Vũ, Vũ Lâm, Yên Nghiệp, Ân Nghĩa; thị trấn Vụ Bản.

10. Huyện Yên Thủy:

- Hệ số 0,3: Các xã: Bảo Hiệu, Lạc Lương, Lạc Sỹ, Lạc Hưng.
- Hệ số 0,2: Các xã: Đoàn Kết, Hữu Lợi, Đa Phúc.
- Hệ số 0,1: Các xã: Lạc Thịnh, Yên Lạc, Phú Lai, Yên Trị, Ngọc Lương; thị trấn Hàng Trạm.

11. Huyện Lạc Thủy:

- Hệ số 0,3: Các xã: An Bình, An Lạc, Đồng Môn, Hưng Thi.
- Hệ số 0,2: Các xã: Liên Hòa, Yên Bồng, Phú Thành, Phú Lão, Đồng Tâm.
- Hệ số 0,1: Các xã: Cố Nghĩa, Lạc Long, Khoan Dụ; thị trấn Chi Nê

XIV. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Hệ số 0,7: Đảo Bạch Long Vĩ.
- Hệ số 0,5: Đảo Long Châu.
- Hệ số 0,4: Đảo Cát Bà, Trạm đèn đảo Ai-Van.
- Hệ số 0,3: Đảo Cát Hải, các Trạm đèn đảo: Bãi Cát, Ađio, Icút, Đường Rừng.
- Hệ số 0,2: Đảo Hòn Dấu, Đài khí tượng Thủy văn Phủ Liễn, các Trạm đèn đảo: Nhà Vàng, Nam Triệu, Cửa Cấm, Đình Vũ.

XV. TỈNH HẢI DƯƠNG

1. Huyện Chí Linh:

- Hệ số 0,2: Các xã: Hoàng Hoa Thám, Bắc An, Hoàng Tiến, Lê Lợi, Hưng Đạo, Cộng Hòa, Thái Học, An Lạc, Kênh Giang, Hoàng Tân, Văn Đức.
- Hệ số 0,1: Các xã: Chí Minh, Văn An, Nhân Huệ, Cổ Thành, Đồng Lạc, Tân Dân.

2. Huyện Kinh Môn:

- Hệ số 0,2: Các xã: Tân Dân, Minh Tân, Phú Thứ, Duy Tân, Hoàn Sơn.
- Hệ số 0,1: Các xã: Hiệp Sơn, Hiệp Hòa, Thượng Quận, An Phụ, Phạm Mệnh, Hiệp An, Thất Hùng, An Sinh, Thái Sơn, Bạch Đằng, Lê Ninh, Phúc Thành B, Thị trấn An Lưu.

XVI. TỈNH BẮC GIANG

1. Huyện Yên Thế:

- Hệ số 0,3: Các xã: Xuân Lương, Đồng Vương, Đồng Tiến, Canh Nậu.

- Hệ số 0,2: Các xã: Tam Tiến, Đồng Hưu, Đông Sơn.

- Hệ số 0,1: Các xã: Tiến Thắng, Tân Hiệp, Tam Hiệp, An Thượng, Hương Vĩ, Hồng Kỳ, Đồng Kỳ, Tân Sỏi, Đồng Lạc.

2. Huyện Tân Yên:

- Hệ số 0,1: Xã Lan Giới.

3. Huyện Lạng Giang:

- Hệ số 0,1: Các xã: Quang Thịnh, Hương Sơn, Nghĩa Hưng, Tiên Lục, Dương Đức.

4. Huyện Lục Nam:

- Hệ số 0,2: Các xã: Lục Sơn, Trường Sơn, Bình Sơn, Vô Tranh.

- Hệ số 0,1: Các xã: Cẩm Lý, Nghĩa Phương, Trường Giang, Cương Sơn, Huyền Sơn, Đông Hưng, Đông Phú, Tam Dị, Tiên Nha, Bảo Đài, Bảo Sơn.

5. Huyện Lục Ngạn:

- Hệ số 0,2: Các xã: Xa Lý, Phong Minh, Cẩm Sơn, Sơn Hải, Hộ Đáp, Phong Vân, Tân Sơn, Kim Sơn, Phú Nhuận, Đèo Gia, Tân Lập, Tân Mộc.

- Hệ số 0,1: Các xã: Nam Dương, Mỹ An, Biển Động, Tân Hoa, Đồng Cốc, Phi Điền, Giáp Sơn, Tân Quang, Biên Sơn, Kiên Thành, Kiên Lao, Thanh Hải.

6. Huyện Sơn Động:

- Hệ số 0,2: Các xã: Thạch Sơn, Phúc Thắng, Quế Sơn, Tuấn Đạo, Bồng Am, Thanh Sơn, Thanh Luận, Long Sơn, Dương Hưu, An Lạc, Hữu Sản, Vân Sơn, Giáo Liêm, Lệ Viễn.

- Hệ số 0,1: Các xã: Vĩnh Khương, Chiên Sơn, Cẩm Đàn, Yên Định, An Châu, An Lập, An Bá, Thị trấn An Châu.

7. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,2: Trung tâm huấn luyện Cẩm Sơn.

XVII. TỈNH VĨNH PHÚC

1. Thị xã Phúc Yên:

- Hệ số 0,1: Xã Ngọc Thanh.

2. Huyện Lập Thạch:

- Hệ số 0,2: Các xã: Lãng Công, Quang Yên.

- Hệ số 0,1: Các xã: Phương Khoan, Bạch Lưu, Liễn Sơn, Đồng Quế, Tân Lập, Vân Trục, Hải Lựu, Thái Hòa, Bắc Bình, Quang Sơn, Hợp Lý, Ngọc Mỹ, Tử Du, Bàn Giản, Đôn Nhân, Nhân Đạo, Liên Hòa, Nhạo Sơn, Xuân Hòa, Thị trấn Lập Thạch.

3. Huyện Tam Dương:

- Hệ số 0,1: Các xã: Hoàng Hoa, Đồng Tĩnh.

4. Huyện Tam Đảo:

- Hệ số 0,3: Đài phát sóng Tam Đảo, xã Đạo Trù.
- Hệ số 0,2: Các xã: Yên Dương, Bồ Lý.
- Hệ số 0,1: Các xã: Hợp Châu, Đại Đình, Tam Quan, Hồ Sơn, Minh Quang; thị trấn Tam Đảo.

5. Huyện Bình Xuyên:

- Hệ số 0,1: Xã Trung Mỹ.

XVIII. TỈNH PHÚ THỌ**1. Thị xã Phú Thọ:**

- Hệ số 0,1: Xã Hà Thạch.

2. Huyện Đoan Hùng:

- Hệ số 0,2: Các xã: Bằng Doãn, Minh Lương, Phú Thứ.
- Hệ số 0,1: Các xã: Phúc Lai, Vân Đồn, Yên Kiện, Hùng Long, Ngọc Quan, Quế Lâm, Bằng Luân, Minh Tiến, Minh Phú, Hữu Đô, Đại Nghĩa, Vụ Quang, Vân Du, Tây Cốc, Tiêu Sơn, Phương Trung, Phong Phú, Hùng Quan, Sóc Đăng, Chân Mộng, Chí Đám, Đông Khê, Nghinh Xuyên.

3. Huyện Hạ Hòa:

- Hệ số 0,2: Các xã: Đại Phạm, Quân Khê.
- Hệ số 0,1: Các xã: Vô Tranh, Xuân Áng, Chuế Lưu, Văn Lang, Hà Lương,

Gia Điền, Phương Viên, Hương Xạ, Lệnh Khanh, Yên Kỳ, Cáo Điền, Lâm Lợi, Y Sơn, Bằng Giã, Minh Côi, Yên Luật, Hậu Bồng, Đan Hà, Phụ Khánh, Liên Phương, Mai Tùng, Chính Công, Lang Sơn, Vĩnh Chân, Hiền Lương, Ấm Hạ, Động Lâm, Đan Thượng, Minh Hạc.

4. Huyện Thanh Ba:

- Hệ số 0,1: Các xã: Thanh Vân, Đông Lĩnh, Đại An, Thái Ninh, Năng Yên, Quảng Nạp, Khải Xuân, Võ Lao, Hạnh Cù, Mạn Lạn, Yên Nội, Đồng Xuân, Yên Khê, Phương Lĩnh, Hoàng Cương, Sơn Cương, Thanh Xá, Đông Thành, Chí Tiên, Ninh Dân.

5. Huyện Phù Ninh:

- Hệ số 0,1: Các xã: Phú Lộc, Phú Nham, Phù Ninh, Phú Mỹ, Liên Hoa, Trạm Thản, Trung Giáp, Hạ Giáp, Trì Quận, Bảo Thanh, Tiên Du, Tiên Phú, Kim Đức, An Đạo, Gia Thanh.

6. Huyện Yên Lập:

- Hệ số 0,3: Các xã: Xuân Thủy, Xuân Viên, Xuân An, Lương Sơn, Mỹ Lung, Mỹ Lương, Nga Hoàng, Trung Sơn.
- Hệ số 0,2: Các xã: Hưng Long, Đồng Lạc, Thượng Long, Đồng Thịnh, Phúc Khánh, Minh Hòa, Ngọc Lập, Ngọc Đồng.

- Hệ số 0,1: Thị trấn Yên Lập.

7. Huyện Cẩm Khê:

- Hệ số 0,2: Các xã: Yên Dưỡng, Chương Xá, Văn Khúc, Đồng Lương.

- Hệ số 0,1: Các xã: Tiên Lương, Phương Vĩ, Tam Sơn, Văn Bán, Cấp Dẫn, Hương Lung, Ngô Xá, Đồng Cam, Phương Xá, Tạ Xá, Thụy Liễu, Phùng Xá, Sơn Nga, Xương Thịnh, Sơn Tình, Tùng Khê, Yên Tập, Tuy Lộc, Thanh Nga, Phú Khê, Phú Lạc, Điều Lương, Tình Cương.

8. Huyện Tam Nông:

- Hệ số 0,1: Các xã: Dị Nậu, Thọ Văn, Quang Húc, Tê Lễ, Thượng Nông, Hiền Quan, Tứ Mỹ, Thanh Uyên, Hùng Đô, Phương Thịnh, Văn Lương, Hương Nha, Dậu Dương, Hương Nộn, Cổ Tiết, Xuân Quang, Tam Cường.

9. Huyện Lâm Thao:

- Hệ số 0,1: Các xã: Chu Hóa, Tiên Kiên, Hy Cương, Xuân Lũng, Thanh Đình, Thạch Sơn, Xuân Huy, Hợp Hải, Sơn Vi.

10. Huyện Thanh Sơn:

- Hệ số 0,4: Các xã: Xuân Sơn, Đồng Sơn, Vinh Tiên, Đông Cửu, Thượng Cửu.

- Hệ số 0,3: Các xã: Thu Ngạc, Long Cốc, Tam Thanh, Tân Lập, Tân Minh, Xuân Đài, Kim Thượng, Khả Cửu, Lai Đồng, Kiệt Sơn, Tân Sơn.

- Hệ số 0,2: Các xã: Thu Cúc, Thạch Kiệt, Sơn Hùng, Tân Phú, Mỹ Thuận, Địch Quả, Giáp Lai, Thục Luyện, Võ Miếu, Thạch Khoán, Minh Đài, Văn Luông, Cự Thắng, Tất Thắng, Văn Miếu, Cự Đồng, Thắng Sơn, Hương Cần, Yên Lãng, Yên Lương, Lương Nha, Yên Sơn, Tinh Nhuệ; thị trấn Thanh Sơn.

11. Huyện Thanh Thủy:

- Hệ số 0,2: Các xã: Phương Mao, Yên Mao, Tu Vũ.

- Hệ số 0,1: Các xã: Sơn Thủy, La Phù, Đào Xá, Trung Thịnh, Thạch Đồng, Hoàng Xá, Tân Phương, Trung Nghĩa.

XIX. TỈNH HÀ NAM

1. Huyện Kim Bảng:

- Hệ số 0,2: Xã Ba Sao; Cán bộ, công nhân viên thuộc các đơn vị: Nhà máy Xi măng Bút Sơn, Kho K135 (thuộc địa bàn xã Thanh Sơn).

XX. TỈNH NINH BÌNH

1. Thị xã Tam Điệp:

- Hệ số 0,1: Các xã: Quang Sơn, Yên Sơn.

2. Huyện Nho Quan:

- Hệ số 0,4: Các xã: Cúc Phương, Kỳ Phú, Phú Long.

- Hệ số 0,3: Các xã: Xích Thổ, Thạch Bình, Yên Quang, Văn Phương.

- Hệ số 0,2: Các xã: Gia Sơn, Phú Sơn, Gia Lâm, Gia Tường, Lạc Vân, Đồng Phong, Lạng Phong, Văn Phong, Văn Phú, Phú Lộc, Quỳnh Lưu, Sơn Lai, Quảng Lạc, Đức Long.

- Hệ số 0,1: Các xã: Sơn Hà, Thượng Hòa, Sơn Thành, Thanh Lạc, Gia Thủy, Thị trấn Nho Quan.

3. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,2: Trại cải tạo phạm nhân Ninh Khánh.

XXI. TỈNH THANH HÓA**1. Huyện Mường Lát:**

- Hệ số 0,7: Các xã: Mường Chanh, Tén Tàn, Pù Nhi, Quang Chiểu.

- Hệ số 0,5: Các xã: Tam Chung, Mường Lý, Trung Lý; thị trấn Mường Lát.

2. Huyện Quan Hóa:

- Hệ số 0,5: Các xã: Trung Sơn, Trung Thành, Hiền Kiệt.

- Hệ số 0,4: Các xã: Thành Sơn, Hiền Chung, Phú Sơn.

- Hệ số 0,3: Các xã: Thiên Phủ, Nam Động, Nam Tiến, Phú Thanh, Phú Lệ, Thanh Xuân, Phú Xuân.

- Hệ số 0,2: Các xã: Hồi Xuân, Xuân Phú, Phú Nghiêm, Nam Xuân.

- Hệ số 0,1: Thị trấn Quan Hóa.

3. Huyện Bá Thước:

- Hệ số 0,5: Xã Lũng Cao.

- Hệ số 0,4: Các xã: Thành Sơn, Cổ Lũng, Lương Nội, Lũng Niêm.

- Hệ số 0,3: Các xã: Kỳ Tân, Hạ Trung, Điền Thượng, Thành Lâm, Ban Công, Lương Trung, Lương Ngoại, Điền Quang, Điền Hạ.

- Hệ số 0,2: Các xã: Văn Nho, Thiết Kế, Thiết Ống, Lâm Sa, Ái Thượng, Tân Lập.

- Hệ số 0,1: Các xã: Điền Lữ, Điền Trung, Thị trấn Cảnh Nàng.

4. Huyện Quan Sơn:

- Hệ số 0,5: Các xã: Sơn Hà, Sơn Thủy, Sơn Điện, Tam Thanh, Tam Lữ, Na Mèo, Mường Mìn.

- Hệ số 0,3: Các xã: Sơn Lữ, Trung Thượng.

- Hệ số 0,2: Các xã: Trung Xuân, Trung Hạ.

5. Huyện Lang Chánh:

- Hệ số 0,5: Các xã: Yên Khương, Yên Thắng.

- Hệ số 0,4: Các xã: Lâm Phú, Tam Văn.

- Hệ số 0,3: Các xã: Trí Nang, Giao An, Giao Thiện.

- Hệ số 0,2: Xã Tân Phúc.

- Hệ số 0,1: Các xã: Đồng Lương, Quang Hiến, Thị trấn Lang Chánh.

6. Huyện Ngọc Lặc:

- Hệ số 0,3: Các xã: Thạch Lập, Vân Âm.

- Hệ số 0,2: Các xã: Thúy Sơn, Phùng Giáo, Cao Ngọc.

- Hệ số 0,1: Các xã: Lam Sơn, Mỹ Tân, Ngọc Khê, Quang Trung, Đồng Thịnh, Ngọc Liên, Ngọc Sơn, Lộc Thịnh, Cao

Thịnh, Ngọc Trung, Phùng Minh, Phúc Thịnh, Nguyệt Ấn, Kiên Thọ, Minh Tiến, Minh Sơn; thị trấn Ngọc Lạc.

7. Huyện Cẩm Thủy:

- Hệ số 0,3: Xã Cẩm Quý.

- Hệ số 0,2: Các xã: Cẩm Lương, Cẩm Thạch, Cẩm Thành, Cẩm Liên.

- Hệ số 0,1: Các xã: Cẩm Long, Cẩm Tân, Cẩm Bình, Cẩm Ngọc, Cẩm Phong, Cẩm Châu, Cẩm Yên, Cẩm Phú, Cẩm Tú, Cẩm Giang, Cẩm Vân, Cẩm Tâm, Cẩm Sơn.

8. Huyện Thạch Thành:

- Hệ số 0,3: Các xã: Thạch Lâm, Thành Yên, Thạch Tượng, Thành Mỹ.

- Hệ số 0,2: Các xã: Thành Công, Thạch Cẩm, Thành Minh.

- Hệ số 0,1: Các xã: Thành Tâm, Thành Long, Thành An, Thành Tân, Thành Vân, Ngọc Trạo, Thành Vinh, Thạch Quảng, Thành Trực, Thành Thọ, Thành Hưng, Thành Kim, Thành Tiến, Thạch Định, Thạch Long, Thạch Bình, Thạch Đồng, Thạch Sơn.

9. Huyện Vĩnh Lộc:

- Hệ số 0,1: Các xã: Vĩnh Quang, Vĩnh Hùng, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Long, Vĩnh Thành.

10. Huyện Yên Định:

- Hệ số 0,1: Xã Yên Lâm.

11. Huyện Thọ Xuân:

- Hệ số 0,1: Các xã: Xuân Châu, Xuân Phú, Quảng Phú, Thọ Lâm.

12. Huyện Thường Xuân:

- Hệ số 0,5: Các xã: Bát Mọt, Xuân Liên, Yên Nhân, Xuân Chinh, Xuân Lệ.

- Hệ số 0,4: Xã Xuân Mỹ.

- Hệ số 0,3: Các xã: Vạn Xuân, Xuân Thắng, Xuân Khao, Xuân Lộc, Tân Thành, Luận Khê.

- Hệ số 0,2: Các xã: Luận Thành, Lương Sơn.

- Hệ số 0,1: Các xã: Ngọc Phụng, Xuân Dương, Xuân Cẩm, Xuân Cao, Thọ Thanh, Thị trấn Thường Xuân.

13. Huyện Triệu Sơn:

- Hệ số 0,1: Các xã: Bình Sơn, Thọ Sơn, Triệu Thành.

14. Huyện Như Xuân:

- Hệ số 0,4: Các xã: Thanh Phong, Thanh Lâm, Thanh Sơn, Thanh Xuân, Thanh Quân, Thanh Hòa.

- Hệ số 0,3: Các xã: Xuân Bình, Bình Lương, Cát Vân, Cát Tân.

- Hệ số 0,2: Các xã: Hóa Quỳ, Xuân Quỳ, Tân Bình, Yên Lễ, Thượng Ninh.

- Hệ số 0,1: Xã Bãi Trành, Thị trấn Yên Cát.

15. Huyện Như Thanh:

- Hệ số 0,3: Xã Xuân Thái.

- Hệ số 0,2: Các xã: Thanh Kỳ, Thanh Tân, Phượng Nghi, Xuân Khang, Cán Khê.

- Hệ số 0,1: Các xã: Yên Lạc, Hải Vân,

Hải Long, Yên Thọ, Phúc Đường, Xuân Phúc, Xuân Thọ, Mậu Lâm, Xuân Du.

16. Huyện Tĩnh Gia:

- Hệ số 0,2: Núi Xước thuộc xã Trường Lâm.

- Hệ số 0,1: Xã Phú Sơn.

17. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,3: Đảo Hòn Mê.

- Hệ số 0,2: Đảo Hòn Nẹ.

- Hệ số 0,1: Các trạm đèn đảo: Lạch Trào, Nghi Sơn.

XXII. TỈNH NGHỆ AN

1. Thị xã Cửa Lò:

- Hệ số 0,3: Đảo Mát.

- Hệ số 0,1: Đảo Ngư, các Trạm đèn đảo: Cửa Hội, Cửa Lò.

2. Huyện Quế Phong:

- Hệ số 0,7: Các xã: Thông Thụ, Đồng Văn, Hạnh Dịch, Tiên Phong, Nậm Giải, Tri Lễ, Châu Thôn, Nậm Nhoóng, Quang Phong, Cắm Muộn.

- Hệ số 0,5: Các xã: Mường Nọc, Quế Phong, Châu Kim, Thị trấn Kim Sơn.

3. Huyện Quỳnh Châu:

- Hệ số 0,5: Các xã: Châu Hội, Châu Thuận, Châu Phong, Châu Hoàn, Diên Lâm, Châu Bính.

- Hệ số 0,4: Các xã: Châu Nga, Châu Tiến, Châu Thắng, Châu Bình, Châu Hạnh.

- Hệ số 0,3: Thị trấn Quỳnh Châu.

4. Huyện Kỳ Sơn:

- Hệ số 0,7: Các xã: Mỹ Lý, Bắc Lý, Keng Đu, Đoạc Mạy, Huồi Tụ, Mường Lống, Na Loi, Nậm Cắn, Bảo Nam, Phà Đánh, Bảo Thắng, Hữu Lập, Tà Cạ, Chiêu Lưu, Mường Típ, Hữu Kiệm, Tây Sơn, Mường Ái, Na Ngoi, Nậm Càn.

- Hệ số 0,5: Thị trấn Mường Xén.

5. Huyện Tương Dương:

- Hệ số 0,7: Các xã: Hữu Dương, Mai Sơn, Tam Hợp, Hữu Khuông, Luân Mai, Nhân Mai, Tam Quang, Nga My.

- Hệ số 0,5: Các xã: Kim Đa, Kim Tiến, Yên Tĩnh, Lượng Minh, Yên Hòa, Yên Na, Lưu Kiên, Thạch Giám, Xá Lượng, Tam Thái, Tam Đình, Yên Thắng.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Hòa Bình.

6. Huyện Nghĩa Đàn:

- Hệ số 0,3: Các xã: Nghĩa Mai, Nghĩa Yên.

- Hệ số 0,2: Các xã: Nghĩa Lâm, Nghĩa Minh, Nghĩa Lợi, Nghĩa Lạc, Nghĩa Thọ, Nghĩa An, Nghĩa Trung, Nghĩa Liên, Nghĩa Hưng, Nghĩa Sơn, Nghĩa Hồng, Nghĩa Phú, Nghĩa Bình, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Tân, Nghĩa Đức.

- Hệ số 0,1: Các xã: Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hội, Nghĩa Thắng, Nghĩa Quang, Nghĩa Hòa, Nghĩa Tiến, Nghĩa Mỹ, Tây Hiếu, Nghĩa Thuận, Đông Hiếu, Nghĩa Long, Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh; thị trấn Thái Hòa.

7. Huyện Quỳnh Hợp:

- Hệ số 0,4: Các xã: Bắc Sơn, Nam Sơn, Hạ Sơn, Liên Hợp, Châu Thành, Châu Hồng, Châu Tiến, Văn Lợi, Châu Lý, Châu Lộc.

- Hệ số 0,3: Các xã: Yên Hợp, Đồng Hợp, Tam Hợp, Châu Cường, Châu Quang, Thọ Hợp, Minh Hợp, Nghĩa Xuân, Châu Thái, Châu Đình; thị trấn Quỳnh Hợp.

8. Huyện Quỳnh Lưu:

- Hệ số 0,2: Xã Tân Thắng.

- Hệ số 0,1: Xã Quỳnh Thắng.

9. Huyện Con Cuông:

- Hệ số 0,5: Các xã: Châu Khê, Môn Sơn.

- Hệ số 0,4: Các xã: Bình Chuẩn, Lạng Khê, Cam Lâm, Thạch Ngàn, Đôn Phục, Mậu Đức, Chi Khê, Bồng Khê, Yên Khê, Lục Dạ.

- Hệ số 0,3: Thị trấn Con Cuông.

10. Huyện Tân Kỳ:

- Hệ số 0,3: Các xã: Tân Xuân, Phú Sơn, Tiên Kỳ, Đồng Văn, Tân Hợp.

- Hệ số 0,2: Các xã: Nghĩa Dũng, Giai Xuân, Nghĩa Phúc, Nghĩa Bình, Kỳ Sơn.

- Hệ số 0,1: Các xã: Tân Phú, Nghĩa Đồng, Nghĩa Thái, Nghĩa Hợp, Nghĩa Hoàn, Tân An, Tân Long, Hương Sơn, Kỳ Tân, Nghĩa Hành, Tân Hương; thị trấn Tân Kỳ.

11. Huyện Anh Sơn:

- Hệ số 0,3: Các xã: Bình Sơn, Thọ Sơn, Thành Sơn, Phúc Sơn, Tam Sơn.

- Hệ số 0,2: Các xã: Đỉnh Sơn, Cẩm Sơn, Hùng Sơn, Tường Sơn, Hội Sơn.

- Hệ số 0,1: Các xã: Tào Sơn, Đức Sơn, Thạch Sơn, Long Sơn, Vĩnh Sơn, Khai Sơn, Cao Sơn, Lĩnh Sơn, Lạng Sơn.

12. Huyện Thanh Chương:

- Hệ số 0,2: Các xã: Thanh Thủy, Thanh Hà, Thanh Thịnh, Thanh Hương, Hạnh Lâm, Thanh Đức.

- Hệ số 0,1: Các xã: Thanh Mỹ, Thanh Tùng, Thanh Mai, Thanh Xuân, Thanh Lâm, Võ Liệt, Thanh An.

XXIII. TỈNH HÀ TĨNH

1. Huyện Hương Sơn:

- Hệ số 0,5: Các xã: Sơn Hồng, Sơn Kim 1, Sơn Kim 2.

- Hệ số 0,4: Các xã: Sơn Lĩnh, Sơn Lâm.

- Hệ số 0,2: Các xã: Sơn Hàm, Sơn Lễ, Sơn Mai, Sơn Trường, Sơn Tây, Sơn Tiến.

- Hệ số 0,1: Các xã: Sơn Quang, Thị trấn Tây Sơn, Sơn Ninh, Sơn Châu, Sơn Trung, Sơn Diệm, Sơn Giang, Sơn Hòa, Sơn Phú, Sơn Bình, Sơn Trà, Sơn Thịnh, Sơn Tân, Sơn Long, Sơn Mỹ, Sơn Phúc, Sơn Thủy, Sơn Hà, Sơn An, Sơn Bằng, Thị trấn Phố Châu.

2. Huyện Đức Thọ:

- Hệ số 0,1: Các xã: Tân Hương, Đức Lạng, Đức Lập, Đức Đồng.

3. Huyện Vũ Quang:

- Hệ số 0,5: Xã Hương Quang.

- Hệ số 0,4: Xã Hương Điền.

- Hệ số 0,3: Các xã: Hương Minh, Hương Thọ; thị trấn Vũ Quang.

- Hệ số 0,2: Các xã: Đức Bồng, Đức Lĩnh, Đức Hương, Đức Liên, Đức Giang, Sơn Thọ.

- Hệ số 0,1: Xã Ân Phú.

4. Huyện Nghi Xuân:

- Hệ số 0,1: Các xã: Xuân Liên, Xuân Lĩnh, Xuân Viên, Cổ Đạm, Cương Gián.

5. Huyện Can Lộc:

- Hệ số 0,1: Các xã: Phú Lộc, Thượng Lộc, Mỹ Lộc, Hồng Lộc, Thuận Thiện, Đồng Lộc.

6. Huyện Hương Khê:

- Hệ số 0,5: Xã Hương Lâm.

- Hệ số 0,4: Các xã: Hương Liên, Hương Vĩnh, Phú Gia, Hòa Hải.

- Hệ số 0,2: Các xã: Hương Giang, Phương Mỹ, Phương Điền, Hương Trạch, Phúc Trạch, Hương Bình, Hương Thủy, Hà Linh, Lộc Yên, Hương Đô, Phú Phong, Gia Phố, Hương Xuân, Hương Long, Phúc Đồng, Hương Trà.

- Hệ số 0,1: Thị trấn Hương Khê.

7. Huyện Thạch Hà:

- Hệ số 0,1: Các xã: Thạch Điền, Thạch Hương, Thạch Ngọc, Bắc Sơn, Thạch Xuân, Nam Hương.

8. Huyện Cẩm Xuyên:

- Hệ số 0,1: Các xã: Cẩm Minh, Cẩm Lĩnh, Cẩm Lạc, Cẩm Sơn, Cẩm Mỹ, Cẩm Quan, Cẩm Thịnh.

9. Huyện Kỳ Anh:

- Hệ số 0,4: Các xã: Kỳ Thượng, Kỳ Sơn, Kỳ Lạc, Kỳ Lâm, Kỳ Hợp.

- Hệ số 0,3: Xã Kỳ Tây.

- Hệ số 0,2: Các xã: Kỳ Nam, Kỳ Lợi, Kỳ Liên, Kỳ Phương, Kỳ Xuân.

- Hệ số 0,1: Các xã: Kỳ Châu, Kỳ Thọ, Kỳ Hà, Kỳ Thư, Kỳ Hải, Kỳ Hưng, Kỳ Tiến, Kỳ Tân, Kỳ Giang, Kỳ Phong, Kỳ Hoa, Kỳ Văn, Kỳ Đồng, Kỳ Trinh, Kỳ Khang, Kỳ Ninh, Kỳ Bắc, Kỳ Thịnh, Kỳ Long, Kỳ Phú, Thị trấn Kỳ Anh.

10. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,1: Các trạm đèn: Cửa Sót, Cửa Nhượng.

XXIV. TỈNH QUẢNG BÌNH**1. Huyện Minh Hóa:**

- Hệ số 0,7: Các xã: Thượng Hóa, Dân Hóa, Hóa Sơn, Hóa Phúc, Trọng Hóa.

- Hệ số 0,5: Các xã: Hồng Hóa, Hóa Thanh, Hóa Tiến, Hóa Hợp, Xuân Hóa,

Yên Hóa, Minh Hóa, Tân Hóa, Quy Hóa, Trung Hóa; thị trấn Quy Đạt.

2. Huyện Tuyên Hóa:

- Hệ số 0,7: Xã Lâm Hóa.
- Hệ số 0,5: Các xã: Thanh Thạch, Thanh Hóa, Hương Hóa.
- Hệ số 0,4: Các xã: Ngư Hóa, Kim Hóa, Cao Quảng, Thuận Hóa.
- Hệ số 0,3: Các xã: Nam Hóa, Lê Hóa, Đồng Hóa, Thạch Hóa, Đức Hóa, Phong Hóa, Sơn Hóa, Thị trấn Đồng Lê.
- Hệ số 0,2: Các xã: Mai Hóa, Tiến Hóa, Châu Hóa, Văn Hóa.

3. Huyện Quảng Trạch:

- Hệ số 0,4: Xã Quảng Hợp.
- Hệ số 0,3: Xã Quảng Đông.
- Hệ số 0,2: Các xã: Quảng Thạch, Quảng Tiến, Quảng Kim, Quảng Châu, Quảng Liên, Cảnh Hóa, Quảng Sơn.

4. Huyện Bố Trạch:

- Hệ số 0,7: Xã Thượng Trạch.
- Hệ số 0,5: Xã Tân Trạch.
- Hệ số 0,4: Các xã: Phúc Trạch, Lâm Trạch, Xuân Trạch, Sơn Trạch.
- Hệ số 0,3: Xã Hưng Trạch.
- Hệ số 0,2: Các xã: Liên Trạch, Phú Định, Thị trấn Nông trường Việt Trung.
- Hệ số 0,1: Xã Sơn Lộc.

5. Huyện Quảng Ninh:

- Hệ số 0,7: Xã Trường Sơn.

- Hệ số 0,4: Xã Trường Xuân.

6. Huyện Lệ Thủy:

- Hệ số 0,7: Làng Ho-Vít Thù Lù.
- Hệ số 0,5: Các xã: Kim Thủy, Ngân Thủy, Lâm Thủy.
- Hệ số 0,2: Các xã: Thái Thủy, Văn Thủy, Trường Thủy.

7. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,1: Trạm đèn Cửa Giành, Trạm đèn Cửa Nhật Lệ.

XXV. TỈNH QUẢNG TRỊ

1. Huyện Vĩnh Linh:

- Hệ số 0,7: Đảo Cồn Cỏ (thuộc xã Vĩnh Quang).
- Hệ số 0,5: Xã Vĩnh Ô.
- Hệ số 0,4: Xã Vĩnh Hà.
- Hệ số 0,3: Xã Vĩnh Khê.
- Hệ số 0,1: Các xã: Vĩnh Chấp, Vĩnh Sơn, Thị trấn Bến Quan.

2. Huyện Hướng Hóa:

- Hệ số 0,7: Các xã: Ba Tầng, A Dơi, Thanh, Xy, Thuận, Hướng Lập, Hướng Phùng, Hướng Sơn, Hướng Linh, A Xing, A Túc, Hướng Lộc, Húc.
- Hệ số 0,5: Các xã: Tân Thành, Tân Long, Tân Liên, Hướng Tân, Tân Hợp, Tân Lập.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Lao Bảo, Thị trấn Khe Sanh.

3. Huyện Gio Linh:

- Hệ số 0,3: Xã Linh Thượng.
- Hệ số 0,2: Các xã: Vĩnh Trường, Hải Thái.
- Hệ số 0,1: Xã Gio An.

4. Huyện Đa Krông:

- Hệ số 0,7: Các xã: A Vao, Ba Nang, A Ngo, Tà Long.
- Hệ số 0,5: Các xã: Tà Rụt, Húc Nghi, A Bung, Đa Krông.
- Hệ số 0,4: Các xã: Hướng Hiệp, Mò Ó, Hải Phúc, Triệu Nguyên.
- Hệ số 0,3: Xã Ba Lòng.

5. Huyện Cam Lộ:

- Hệ số 0,2: Các xã: Cam Tuyền, Cam Chính, Cam Nghĩa.
- Hệ số 0,1: Các xã: Cam Thành, Cam Thủy.

6. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,1: Trạm đèn đảo Cửa Việt, Mũi Lay.

XXVI. TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

1. Huyện Phong Điền:

- Hệ số 0,2: Các xã: Phong Sơn, Phong Mỹ, Phong Xuân.

2. Huyện Hương Thủy:

- Hệ số 0,3: Các xã: Dương Hòa, Phú Sơn.

3. Huyện Hương Trà:

- Hệ số 0,4: Xã Hồng Tiến.
- Hệ số 0,2: Các xã: Bình Điền, Bình Thành, Hương Bình.
- Hệ số 0,1: Các xã: Hương Vân, Hương Thọ.

4. Huyện A Lưới:

- Hệ số 0,7: Các xã: Hồng Vân, Hồng Kim, Hồng Trung, Bắc Sơn, Hồng Bắc, A Ngo, Sơn Thủy, Phú Vinh, Hồng Quảng, Hương Phong, Nhâm, Hồng Thượng, Hồng Thái, Hương Lâm, A Roàng, Đông Sơn, A Đốt, Hồng Thủy; thị trấn A Lưới.
- Hệ số 0,5: Các xã: Hương Nguyên, Hồng Hạ.

5. Huyện Phú Lộc:

- Hệ số 0,3: Các xã: Lộc Hòa, Lộc Bình, Xuân Lộc.
- Hệ số 0,1: Các xã: Lộc Tiến, Vinh Hiền, Lộc Vĩnh.

6. Huyện Nam Đông:

- Hệ số 0,5: Các xã: Hương Phú, Hương Sơn, Hương Lộc, Thượng Quảng, Hương Hòa, Hương Giang, Hương Hữu, Thượng Lộ, Thượng Long, Thượng Nhật.
- Hệ số 0,4: Thị trấn Khe Tre.

7. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,1: Trạm đèn đảo Thuận An.

XXVII. TỈNH QUẢNG NAM

1. Thị xã Tam Kỳ:

- Hệ số 0,1: Xã Tam Lãnh.

2. Thị xã Hội An:

- Hệ số 0,2: Xã Tân Hiệp (Đảo Cù Lao Chàm).

3. Huyện Tây Giang:

- Hệ số 0,7: Các xã: Ch'ôm, AXan, Tr'Hy, Lăng, ATiêng, Bhallê, Ga Ry, A Nông.

- Hệ số 0,5: Các xã: A Vương, Dang.

4. Huyện Đông Giang:

- Hệ số 0,5: Các xã: A Ting, Tư, Sông Kôn, Ta Lu, Ba, Jơ Ngây, Cà Dăng, Za Hung, A Rooih, Mà Cooih; thị trấn P'Rao.

5. Huyện Đại Lộc:

- Hệ số 0,2: Các xã: Đại Sơn, Đại Hồng, Đại Thạnh, Đại Chánh, Đại Lãnh, Đại Hưng.

- Hệ số 0,1: Các xã: Đại Đồng, Đại Quang, Đại Tân.

6. Huyện Duy Xuyên:

- Hệ số 0,1: Các xã: Duy Sơn, Duy Phú.

7. Huyện Quế Sơn:

- Hệ số 0,3: Các xã: Quế Phước, Quế Lâm.

- Hệ số 0,2: Xã Quế Ninh.

- Hệ số 0,1: Các xã: Quế Lộc, Quế Trung, Quế Phong.

8. Huyện Nam Giang:

- Hệ số 0,7: Các xã: Zuôich, La êê, Chà Vài, La Dêê, Đắc Pring, Đắc Pre.

- Hệ số 0,5: Các xã: Cà Dy, Tà Bhing.

- Hệ số 0,3: Thị trấn Thạnh Mỹ.

9. Huyện Phước Sơn:

- Hệ số 0,7: Các xã: Phước Thành, Phước Công, Phước Mỹ, Phước Năng, Phước Đức, Phước Lộc.

- Hệ số 0,5: Các xã: Phước Kim, Phước Chánh, Phước Hiệp, Phước Xuân.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Khâm Đức.

10. Huyện Hiệp Đức:

- Hệ số 0,5: Các xã: Phước Gia, Phước Trà.

- Hệ số 0,3: Xã Thăng Phước.

- Hệ số 0,2: Các xã: Quế Bình, Hiệp Thuận, Hiệp Hòa, Quế Lưu, Bình Sơn.

- Hệ số 0,1: Các xã: Bình Lâm, Thị trấn Tân An, Quế Thọ.

11. Huyện Thăng Bình:

- Hệ số 0,1: Các xã: Bình Lãnh, Bình Phú.

12. Huyện Tiên Phước:

- Hệ số 0,3: Các xã: Tiên Ngọc, Tiên Lãnh.

- Hệ số 0,2: Các xã: Tiên Lập, Tiên An, Tiên Hiệp, Tiên Cẩm, Tiên Sơn, Tiên Hà.

- Hệ số 0,1: Các xã: Tiên Phong, Tiên Thọ, Tiên Lộc, Tiên Cảnh, Tiên Châu, Tiên Mỹ, Thị trấn Tiên Kỳ.

13. Huyện Bắc Trà My:

- Hệ số 0,7: Các xã: Trà Giác, Trà Giáp, Trà Ka.

- Hệ số 0,5: Các xã: Trà Kót, Trà Núi, Trà Tân, Trà Giang, Trà Đốc, Trà Bui.

- Hệ số 0,4: Các xã: Trà Đông, Trà Dương.

- Hệ số 0,3: Thị trấn Trà My.

14. Huyện Nam Trà My

- Hệ số 0,7: Các xã: Trà Leng, Trà Đơn, Trà Tập, Trà Mai, Trà Cang, Trà Linh, Trà Nam, Trà Don, Trà Vân, Trà Vinh.

15. Huyện Núi Thành:

- Hệ số 0,2: Các xã: Tam Sơn, Tam Trà, Tam Thạnh.

- Hệ số 0,1: Xã Tam Mỹ.

XXVIII. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1. Huyện Hòa Vang:

- Hệ số 0,2: Xã Hòa Bắc.

- Hệ số 0,1: Các xã: Hòa Phú, Hòa Liên, Hòa Phong, Hòa Ninh, Hòa Khương.

2. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,2: Trạm đèn biển Tiên Sa.

XXIX. TỈNH KHÁNH HÒA

1. Thành phố Nha Trang:

- Hệ số 0,2: Đảo Hòn Tre.

- Hệ số 0,1: Các đảo: Trí Nguyên, Bích Đàm, Đàm Báy, Đàm Già, Bãi Me, Bãi Trũ, Vũng Ngán, Hòn Một.

2. Thị xã Cam Ranh:

- Hệ số 0,2: Xã Cam Bình.

- Hệ số 0,1: Các xã: Sơn Tân, Cam Lập, Cam Hải Đông, Bán đảo Cam Ranh.

3. Huyện Vạn Ninh:

- Hệ số 0,3: Xã Vạn Thạnh.

4. Huyện Ninh Hòa:

- Hệ số 0,2: Các xã: Ninh Tây, Ninh Vân.

- Hệ số 0,1: Các xã: Ninh Phú, Ninh Tân, Ninh Thượng, Ninh Sơn, Ninh Phước.

5. Huyện Khánh Vĩnh:

- Hệ số 0,5: Các xã: Khánh Thượng, Khánh Hiệp, Sơn Thái, Giang Ly, Liên Sang, Cầu Bà.

- Hệ số 0,4: Các xã: Khánh Phú, Khánh Thành, Khánh Trung.

- Hệ số 0,3: Xã Khánh Bình.

- Hệ số 0,2: Các xã: Khánh Đông, Khánh Nam, Sông Cầu; thị trấn Khánh Vĩnh.

6. Huyện Diên Khánh:

- Hệ số 0,2: Xã Diên Tân.

- Hệ số 0,1: Xã Suối Tiên.

7. Huyện Khánh Sơn:

- Hệ số 0,5: Xã Thành Sơn.

- Hệ số 0,4: Các xã: Ba Cùm Nam, Sơn Lâm, Sơn Bình, Sơn Hiệp.

- Hệ số 0,3: Các xã: Ba Cùm Bắc, Sơn Trung, Thị trấn Tô Hạp.

8. Huyện Trường Sa:

- Hệ số 1,0: Toàn huyện.

9. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,3: Trạm đèn đảo Hòn Lớn.

- Hệ số 0,2: Trạm đèn đảo Hòn Chút, Các đảo thuộc tỉnh.

XXX. TỈNH PHÚ YÊN

1. Thị xã Tuy Hòa:

- Hệ số 0,2: Chóp Chài thuộc xã Bình Kiến.

2. Huyện Đồng Xuân:

- Hệ số 0,4: Xã Phú Mỹ.

- Hệ số 0,3: Xã Xuân Quang 1.

- Hệ số 0,2: Các xã: Xuân Quang 2, Xuân Quang 3, Xuân Phước.

- Hệ số 0,1: Các xã: Xuân Long, Xuân Lãnh, Đa Lộc, Xuân Sơn Bắc, Xuân Sơn Nam.

3. Huyện Tuy An:

- Hệ số 0,1: Các xã: An Thọ, An Xuân, An Lĩnh.

4. Huyện Sơn Hòa:

- Hệ số 0,4: Các xã: Phước Tân, Cà Lúi.

- Hệ số 0,3: Các xã: Sơn Hội, Krông Pa, Suối Trai, Ea Chà rang.

- Hệ số 0,2: Các xã: Sơn Nguyên, Sơn Phước, Sơn Định, Sơn Xuân, Sơn Long, Suối Bạc.

- Hệ số 0,1: Thị trấn Củng Sơn, xã Sơn Hà.

5. Huyện Sông Hinh:

- Hệ số 0,4: Các xã: Ea Trol, Sông Hinh, Ea Bar, Ea Ly, Ea Bá, Ea Lâm.

- Hệ số 0,3: Xã Ea Bia.

- Hệ số 0,2: Thị trấn Hai Riêng, xã Sơn Giang.

- Hệ số 0,1: Các xã: Đức Bình Tây, Đức Bình Đông.

6. Huyện Tuy Hòa:

- Hệ số 0,2: Các xã: Sơn Thành, Hòa Mỹ Tây.

- Hệ số 0,1: Xã Hòa Thịnh.

XXXI. TỈNH ĐẮK LẮK

1. Thành phố Buôn Ma Thuột:

- Hệ số 0,2: Các xã: Ea Kao, Ea Tu, Hòa Thuận, Cư Ê Bur.

- Hệ số 0,1: Các phường: Tân Lập, Tân Hòa, Tân An, Thống Nhất, Thành Nhất, Thắng Lợi, Tân Lợi, Thành Công, Tân Thành, Tân Tiến, Tự An, EA Tam,

Khánh Xuân; các xã: Hòa Thắng, Hòa Phú, Hòa Khánh, Hòa Xuân.

2. Huyện Ea H'Leo:

- Hệ số 0,7: Các xã: Ea Sol, Ea Hiao.
- Hệ số 0,5: Các xã: EA H'Leo, EA Ral, EA Wy, Cư Mốt, EA Nam.
- Hệ số 0,4: Các xã: Dê Yang, Ea Khal.
- Hệ số 0,3: Thị trấn Ea Drăng.

3. Huyện Ea Súp:

- Hệ số 0,7: Các xã: Ia Lốp, EA Rôk, Ya Tờ Mốt, EA Lê, Cư KBang, EA Bung.
- Hệ số 0,5: Thị trấn Ea Súp, xã Cư M'Lan.

4. Huyện Buôn Đôn:

- Hệ số 0,7: Xã Krông Na.
- Hệ số 0,5: Các xã: Ea Wer, Ea Huar.
- Hệ số 0,4: Các xã: Ea Bar, Cuôr Knia, Tân Hòa.
- Hệ số 0,3: Xã Ea Nuôl.

5. Huyện Cư M'gar:

- Hệ số 0,5: Các xã: EA Kiệt, EA Tar, Cư Dliê M'nông, EA H'đinh, EA Kpam, EA M'DRóh, Quảng Hiệp, Cư M'gar, EA D'Rong, EA M'ngang.
- Hệ số 0,4: Thị trấn Ea Pôk, các xã: Ea Tul, Cuôr Đăng, Cư Suê.
- Hệ số 0,3: Thị trấn Quảng Phú, xã Quảng Tiến.

6. Huyện Krông Búk:

- Hệ số 0,5: Xã Ea Siên.
- Hệ số 0,4: Các xã: Cư Né, Cư Pong, Trung đoàn Bộ binh 95 đóng quân tại đèo Hà Lan.
- Hệ số 0,3: Các xã: Chư KBô, Pong Drang, Ea Ngai, Đoàn Kết, Ea Blang, Ea Drông, Thống Nhất, Bình Thuận, Cư Bao.
- Hệ số 0,2: Thị trấn Buôn Hồ.

7. Huyện Krông Năng:

- Hệ số 0,7: Xã Đliê Ya.
- Hệ số 0,5: Các xã: Ea Tóh, Ea Tam, Tam Giang, Phú Lộc.
- Hệ số 0,4: Xã Phú Xuân, thị trấn Krông Năng.
- Hệ số 0,3: Xã Ea Hồ.

8. Huyện Ea Kar:

- Hệ số 0,5: Các xã: Ea Tih, Ea Păn, Cư Jang, Ea Ô, Ea Sô.
- Hệ số 0,4: Các xã: Xuân Phú, Cư Ni.
- Hệ số 0,3: Các xã: Cư Huê, EA Đar, EA Kmút, Cư Bông; thị trấn EA Kar, EA Knốp.

9. Huyện M'Đrăk:

- Hệ số 0,5: Các xã: Cư Prao, EA Pil, EA Lai, EA H'Mlay, Krông Jing, EA M'Doal, EA Riêng, Cư M'ta, Cư K Róa, KRông Á, EA Trang.

- Hệ số 0,4: Thị trấn M' Đrăk.

10. Huyện Krông Bông:

- Hệ số 0,7: Các xã: Yang Mao, Cư Pui, Cư Drăm.

- Hệ số 0,5: Các xã: Dang Kang, Cư KTy, Hòa Thành, Hòa Tân, Hòa Phong, Hòa Lễ, Hòa Sơn, Yang Reh.

- Hệ số 0,4: Các xã: Khuê Ngọc Điền, Ea Trul.

- Hệ số 0,3: Thị trấn Krông Kmar.

11. Huyện Krông Pắc:

- Hệ số 0,5: Xã Ea Yiêng.

- Hệ số 0,4: Các xã: Ea Uy, Ea Hiu, Hòa Tiến, Ea Kuăng, Vụ Bồn.

- Hệ số 0,3: Các xã: Krông Búk, EA Kly, EA Kênh, EA Phê, EA Knuec, EA Yông, Hòa An, Tân Tiến.

- Hệ số 0,2: Thị trấn Phước An, Xã Hòa Đông.

12. Huyện Krông Ana:

- Hệ số 0,4: Các xã: Ea Na, Ea Bông, Quảng Điền, Dur Kmăl, Bình Hòa, Ea Hu, Cư Ê Wi.

- Hệ số 0,3: Các xã: EA Ktur, EA Tiêu, EA BHôk, Drang Sáp, Hòa Hiệp, Bằng A Drênh; thị trấn Buôn Tráp.

13. Huyện Lắk:

- Hệ số 0,7: Xã Krông Nô.

- Hệ số 0,5: Các xã: Yang Tao, Bông

Krang, Buôn Triết, Buôn Tría, Đăk Phoi, Đăk Nuê, Nam Ka, EA R'Bin.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Liên Sơn, Xã Đăk Liêng.

XXXII. TỈNH ĐẮK NÔNG

1. Huyện Đăk Nông:

- Hệ số 0,7: Các xã: Quảng Khê, Đăk Som, Đăk Plao, Đăk R'Măng.

- Hệ số 0,5: Các xã: Quảng Sơn, Đăk Ha, Đăk Nia.

- Hệ số 0,4: Xã Quảng Thành.

- Hệ số 0,3: Thị trấn Gia Nghĩa.

2. Huyện Cư Jút:

- Hệ số 0,7: Các xã: Ea Pô, Cư Knia, Đăk Wil.

- Hệ số 0,5: Các xã: Nam Dong, Đăk Drông.

- Hệ số 0,4: Xã Trúc Sơn.

- Hệ số 0,3: Xã Tâm Thắng; Thị trấn Ea T'ling.

3. Huyện Đăk Mil:

- Hệ số 0,7: Các xã: Thuận An, Đăk Lao.

- Hệ số 0,5: Các xã: Đăk R'lao, Đăk Gằn, Đức Mạnh, Đăk Săk, Đức Minh.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Đăk Mil.

4. Huyện Krông Nô:

- Hệ số 0,5: Các xã: Đắc Sôr, Buôn Choah, Đắc Rồ, Nâm Nung, Đúc Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú, Nâm N'Đir.

- Hệ số 0,4: Các xã: Nam Đà, Thị trấn Đắc Mâm.

5. Huyện Đắc Song

- Hệ số 0,7: Các xã: Đắc Song, Thuận Hạnh.

- Hệ số 0,5: Các xã: Đắc Môt, Đắc Rung, Trường Xuân.

6. Huyện Đắc Rlấp:

- Hệ số 0,7: Các xã: Quảng Trực, Đắc Búk So, Đắc R'Tích, Quảng Tín, Quảng Tân, Đắc Sin, Đắc Ru, Nhân Đạo.

- Hệ số 0,5: Các xã: Nhân Cơ, Kiến Thành, Đạo Nghĩa.

- Hệ số 0,3: Thị trấn Kiến Đức.

XXXIII. TỈNH QUẢNG NGÃI**1. Huyện Bình Sơn:**

- Hệ số 0,2: Xã Bình An.

- Hệ số 0,1: Xã Bình Khương.

2. Huyện Trà Bồng:

- Hệ số 0,5: Các xã: Trà Bùi, Trà Lâm, Trà Hiệp.

- Hệ số 0,3: Các xã: Trà Giang, Trà Tân, Trà Thủy.

- Hệ số 0,2: Xã Trà Sơn.

- Hệ số 0,1: Các xã: Trà Phú, Trà Bình, Thị trấn Trà Xuân.

3. Huyện Tây Trà:

- Hệ số 0,5: Các xã: Trà Thanh, Trà Khê, Trà Quân, Trà Phong, Trà Lãnh, Trà Nham, Trà Xinh, Trà Thọ, Trà Trung.

4. Huyện Sơn Tịnh:

- Hệ số 0,1: Các xã: Tịnh Đông, Tịnh Giang, Tịnh Hiệp.

5. Huyện Tư Nghĩa:

- Hệ số 0,1: Các xã: Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ.

6. Huyện Sơn Hà:

- Hệ số 0,4: Các xã: Sơn Bao, Sơn Ba, Sơn Cao.

- Hệ số 0,3: Các xã: Sơn Linh, Sơn Giang, Sơn Thủy, Sơn Kỳ, Sơn Thượng, Sơn Nham, Sơn Hải.

- Hệ số 0,2: Các xã: Sơn Trung, Sơn Thành, Sơn Hạ.

7. Huyện Sơn Tây:

- Hệ số 0,5: Các xã: Sơn Bua, Sơn Lập, Sơn Dung, Sơn Mùa, Sơn Tân, Sơn Tinh.

8. Huyện Minh Long:

- Hệ số 0,4: Xã Long Môn.

- Hệ số 0,3: Các xã: Thanh An, Long Hiệp, Long Mai, Long Sơn.

9. Huyện Nghĩa Hành:

- Hệ số 0,2: Các xã: Hành Tín Đông, Hành Tín Tây.

- Hệ số 0,1: Các xã: Hành Dũng, Hành Nhân, Hành Thiện.

10. Huyện Đức Phổ:

- Hệ số 0,1: Các xã: Phổ Phong, Phổ Nhơn.

11. Huyện Ba Tư:

- Hệ số 0,4: Các xã: Ba Điền, Ba Trang, Ba Ngạc, Ba Nam, Ba Lễ, Ba Xa.

- Hệ số 0,3: Các xã: Ba Khâm, Ba Vì, Ba Tiêu, Ba Bích, Ba Vinh, Ba Chùa, Ba Dinh, Ba Tô, Ba Liên.

- Hệ số 0,2: Các xã: Ba Thành, Ba Động, Ba Cung; thị trấn Ba Tư.

12. Huyện Lý Sơn:

- Hệ số 0,4: Các xã: An Vĩnh, An Hải, An Bình.

13. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,1: Trạm đèn đảo Ba Làng An.

XXXIV. TỈNH KON TUM

1. Thị xã Kon Tum:

- Hệ số 0,3: Các xã: Ngọc Bay, Chư Hreng, Đăk Blà, Đoàn Kết, Ia Chim, Đăk Cấm, Vinh Quang, KRoong, Đăk Rơ Wa, Hòa Bình.

- Hệ số 0,2: Các phường: Quang Trung, Duy Tân, Quyết Thắng, Trường Chinh, Thắng Lợi, Ngô Mây, Thống Nhất, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Trần Hưng Đạo.

2. Huyện Đăk Glei:

- Hệ số 0,7: Các xã: Đăk Plô, Đăk Man, Đăk Nhoong, Đăk Pék, Đăk Choong, Xốp, Mường Hoong, Ngọc Linh, Đăk Long, Đăk KRoong, Đăk Môn.

- Hệ số 0,5: Thị trấn Đăk Glei.

3. Huyện Ngọc Hồi:

- Hệ số 0,7: Các xã: Pờ Y, Đăk Nông, Đăk Xú, Đăk Dục, Sa Loong.

- Hệ số 0,5: Các xã: Đăk Ang, Đăk Kan; thị trấn Plei Càn.

4. Huyện Đăk Tô:

- Hệ số 0,7: Các xã: Ngọc Lây, Đăk Na, Đăk Sao, Ngọc Yêu.

- Hệ số 0,5: Các xã: Măng Ri, Đăk Tô Kan, Tu Mơ Rông, Đăk Hà, Ngọc Tụ, Văn Lem, Kon Đào, Tân Cảnh, Diên Bình, Pô Kô, Tê Xăng, Văn Xuôi.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Đăk Tô.

5. Huyện Kon Plông:

- Hệ số 0,7: Các xã: Đăk Nên, Đăk Ring, Măng Buk, Đăk Tăng, Ngok Tem, Pờ ê, Măng Cành, Đăk Long, Hiếu.

6. Huyện Kon Rẫy:

- Hệ số 0,7: Các xã: Đăk Kôi, Đăk Tô Lung, Đăk Pnê.

- Hệ số 0,5: Các xã: Tân Lập, Đắc Ruông, Đắc Tờ Re, Thị trấn Đắc Rve.

7. Huyện Đắc Hà:

- Hệ số 0,5: Xã Đắc Pxi.
- Hệ số 0,4: Các xã: Đắc Ui, Đắc HRing, Ngok Réo, Ngok Wang, Đắc Mar.
- Hệ số 0,3: Các xã: Hà Mòn, Đắc La; thị trấn Đắc Hà.

8. Huyện Sa Thầy:

- Hệ số 0,7: Các xã: Sa Sơn, Ya Xiêr, Rơ Koi, Mô Rai.
- Hệ số 0,5: Các xã: Sa Nghĩa, Sa Nhơn, Sa Bình, Ya Tăng, Ya Ly; thị trấn Sa Thầy.

XXXV. TỈNH GIA LAI

1. Thành phố Plei Ku:

- Hệ số 0,3: Xã Gào, Ia Kênh.
- Hệ số 0,2: Các xã: Biển Hồ, Tân Sơn, Trà Đa, Chư Á, Diên Phú, An Phú, Chư H Drông.
- Hệ số 0,1: Các phường: Yên Đỗ, Diên Hồng, IA Kring, Hội Thương, Hội Phú, Hoa Lư, Tây Sơn, Thống Nhất, Trà Bá, Yên Thế.

2. Thị xã An Khê:

- Hệ số 0,3: Các xã: Thành An, Cửu An, Tú An.

- Hệ số 0,2: Các phường: An Bình, Tây Sơn, An Phú, An Tân; xã Song An.

3. Huyện K Bang:

- Hệ số 0,7: Các xã: Đắc Rong, Kon Pne.
- Hệ số 0,5: Các xã: Sơn Lang, Krong, Sơ Pai, Lơ Ku, Đông, Nghĩa An, Tơ Tung, Kông Lơng Khơng, Kông Bơ La, Đắc HLơ.

- Hệ số 0,4: Thị trấn K Bang.

4. Huyện Đak Đoa:

- Hệ số 0,5: Các xã: Hà Đông, Hải Yang, Kon Gang, Đak Sơ Mei.
- Hệ số 0,4: Xã Trang.
- Hệ số 0,3: Các xã: Hà Bầu, Nam Yang, Kơ Dang, H Neng, Tân Bình, Glar, A Dơk, Ia Pét, Ia Bằng.

- Hệ số 0,2: Thị trấn Đak Đoa.

5. Huyện Chư Păh:

- Hệ số 0,5: Các xã: Ia Phí, Ia Mơ Nông, Ia Ka, Hà Tây, Ia Ly, Ia Nhin.
- Hệ số 0,4: Các xã: Ia Khuol, Đắc Tơ Ver.
- Hệ số 0,3: Các xã: Hòa Phú, Chư Dang Ya, Nghĩa Hòa, Chư Jôr, Nghĩa Hưng; thị trấn Phú Hòa.

6. Huyện Ia Grai:

- Hệ số 0,7: Các xã: Ia Chía, Ia O.

- Hệ số 0,5: Các xã: Ia Hrunng, Ia Pếch, Ia Krái, Ia Khai.

- Hệ số 0,4: Các xã: Ia Sao, Ia Tô; thị trấn Ia Kha.

- Hệ số 0,3: Xã Ia Dêr.

7. Huyện Mang Yang:

- Hệ số 0,5: Các xã: Lơ Pang, Kon Chiêng, Đăk Trôi, Đê Ar, Kon Thụp.

- Hệ số 0,3: Các xã: Ayun, Hra, Đăk Yă, Đak Djrăng.

- Hệ số 0,2: Thị trấn Kon Dơng.

8. Huyện Kông Chro:

- Hệ số 0,7: Xã Sơ Ró.

- Hệ số 0,5: Các xã: Chư Krêy, An Trung, Kông Yang, Đăk Tơ Pang, Đăk Song, Yang Trung, Ya Ma, Chợ Long, Yang Nam.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Kông Chro.

9. Huyện Đức Cơ:

- Hệ số 0,7: Các xã: Ia Pnôn, Ia Dom, Ia Nan.

- Hệ số 0,5: Các xã: Ia Dơk, Ia Krêl, Ia Din, Ia Kla, Ia Lang, Ia Kriêng; thị trấn Chư Ty.

10. Huyện Chư Prông:

- Hệ số 0,7: Các xã: Ia Púch, Ia Mơ.

- Hệ số 0,5: Các xã: Ia Băng, Ia Tôr, Ia Bông, Ia Ó, Ia Me, Ia Vê, Ia Pia, Ia Ga, Ia Lâu, Ia Pơr.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Chư Prông, các xã: Bình Giáo, Thăng Hưng, Ia Phìn, Bàu Cạn, Ia Drang.

11. Huyện Chư Sê:

- Hệ số 0,5: Các xã: AYun, Hbông.

- Hệ số 0,4: Các xã: Ia Ko, Bờ Ngoong, AL Bá.

- Hệ số 0,3: Các xã: Ia Tiêm, Ia Glai, Ia Hlốp, Ia Blang, Dun, Ia Hrú, Ia Dreng, Nhơn Hòa, Ia Phang, Ia Le, thị trấn Chư Sê.

12. Huyện Đak Pơ:

- Hệ số 0,5: Xã Ya Hội.

- Hệ số 0,3: Các xã: Hà Tam, An Thành, Đak Pơ, Yang Bắc.

- Hệ số 0,2: Các xã: Cư An, Tân An, Phú An.

13. Huyện Ia Pa:

- Hệ số 0,5: Các xã: Ia Tul, Pờ Tó, Ia Broãi.

- Hệ số 0,4: Các xã: Ia MRơn, Chư Mố, Chư Răng, Kim Tân, Ia KDăm.

- Hệ số 0,3: Xã Ia Trôk.

14. Huyện Ayun Pa:

- Hệ số 0,4: Xã Ia Yeng.

- Hệ số 0,3: Các xã: Chư A Thai, Ia Ke, Ia Sol, Ia Piar, Ia Peng, Ia Hiao, Ia Rbol, Ia Rtô, Ia Sao; thị trấn Ayun Pa, thị trấn Phú Thiện.

15. Huyện Krông Pa:

- Hệ số 0,5: Các xã: Chư Drăng, Ia Rсай, Ia SRuom, Ia Mlah, Đất Bằng, Ia Rmok, Krông Năng.

- Hệ số 0,4: Các xã: Uar, Chư Rcăm, Ia HDreh.

- Hệ số 0,3: Các xã: Chư Gu, Phú Cần, Chư Ngọc; thị trấn Phú Túc.

XXXVI. TỈNH LÂM ĐỒNG**1. Thành phố Đà Lạt:**

- Hệ số 0,2: Các xã: Tà Nung, Xuân Thọ, Xuân Trường.

- Hệ số 0,1: Các phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12.

2. Thị xã Bảo Lộc:

- Hệ số 0,3: Xã Đạm Bri.

- Hệ số 0,2: Các phường: 1, 2, Lộc Phát, Lộc Tiến, B'lao, Lộc Sơn; các xã: Lộc Thanh, Lộc Nga, Lộc Châu, Đại Lào.

3. Huyện Lạc Dương:

- Hệ số 0,7: Các xã: Đạ Chais, Đạ Long, Đạm Rong, Đạ Tông, Đưng Knố.

- Hệ số 0,5: Các xã: Lát, Đạ Sar.

4. Huyện Lâm Hà:

- Hệ số 0,7: Các xã; Rô Men, Liêng S'roin, Phi Liêng, Đạ Knàng.

- Hệ số 0,5: Các xã: Phúc Thọ, Phú

Sơn, Phi Tô, Tân Thanh, Liên Hà, Hoài Đức, Tân Hà, Đan Phượng, Đông Thanh, Gia Lâm, Mê Linh.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Đình Văn, Thị trấn Nam Ban, các xã: Tân Văn, Đạ Đờn.

5. Huyện Đơn Dương:

- Hệ số 0,5: Các xã: Tu Tra, Ka Đơn, Ka Đô, Pró.

- Hệ số 0,4: Xã Quảng Lập.

- Hệ số 0,3: Thị trấn Thạnh Mỹ, Thị trấn Đ'ran, các xã: Lạc Lâm, Lạc Xuân.

6. Huyện Đức Trọng:

- Hệ số 0,7: Các xã: Tà Năng, Đà Loan, Tà Hine, Ninh Loan.

- Hệ số 0,4: Các xã: Ninh Gia, Bình Thạnh.

- Hệ số 0,3: Thị trấn Liên Nghĩa, các xã: Tân Hội, Phú Hội, N'Thol Hạ, Liên Hiệp, Hiệp Thạnh, Hiệp An.

7. Huyện Di Linh:

- Hệ số 0,5: Các xã: Đình Trang Thượng, Sơn Điền, Gia Bắc, Hòa Bắc, Bảo Thuận.

- Hệ số 0,4: Các xã: Tân Nghĩa, Tân Thượng, Đình Lạc, Gia Hiệp, Tam Bó, Hòa Nam.

- Hệ số 0,3: Các xã: Đình Trang Hòa, Gung Ré, Hòa Ninh, Hòa Trung, Liên Dầm, Tân Châu, Thị trấn Di Linh.

8. Huyện Bảo Lâm:

- Hệ số 0,5: Các xã: Lộc Nam, Lộc Thành, Lộc Lâm, Lộc Bắc, Lộc Phú, Lộc Bảo.

- Hệ số 0,4: Các xã: Tân Lạc, Lộc Ngãi, Lộc Tân, Lộc Quảng.

- Hệ số 0,3: Thị trấn Lộc Thắng, các xã: Lộc Đức, Lộc An.

9. Huyện Đạ Huoai:

- Hệ số 0,5: Các xã: Đạ Tồn, Đạ Oai, Đoàn Kết, Đạ Ploa.

- Hệ số 0,4: Các xã: Đạ M'ri, Hà Lâm, Ma Đa Guôi.

- Hệ số 0,3: Thị trấn Đạ M'ri, Thị trấn Ma Đa Guôi.

10. Huyện Đạ Tẻh:

- Hệ số 0,7: Các xã: Đạ Lây, Quốc Oai, Mỹ Đức, Quảng Trị, Hương Lâm, An Nhơn.

- Hệ số 0,5: Các xã: Triệu Hải, Đạ Kho, Hà Đông.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Đạ Tẻh.

11. Huyện Cát Tiên:

- Hệ số 0,7: Các xã: Tiên Hoàng, Phước Cát 2.

- Hệ số 0,5: Các xã: Gia Viễn, Tư Nghĩa, Nam Ninh, Mỹ Lâm, Đức Phổ, Phù Mỹ, Phước Cát 1, Quảng Ngãi.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Đồng Nai.

XXXVII. TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Huyện An Lão:

- Hệ số 0,4: Các xã: An Vinh, An Toàn.

- Hệ số 0,3: Các xã: An Dũng, An Quang, An Nghĩa.

- Hệ số 0,2: Các xã: An Hưng, An Trung.

- Hệ số 0,1: Các xã: An Hòa, An Tân.

2. Huyện Hoài Nhơn:

- Hệ số 0,1: Xã Hoài Sơn.

3. Huyện Hoài Ân:

- Hệ số 0,3: Xã Đak Mang.

- Hệ số 0,2: Các xã: Ân Sơn, Bok Tới.

4. Huyện Vĩnh Thạnh:

- Hệ số 0,4: Xã Vĩnh Sơn.

- Hệ số 0,3: Xã Vĩnh Kim.

- Hệ số 0,2: Các xã: Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hảo, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Quang, Vĩnh Hòa.

5. Huyện Tây Sơn:

- Hệ số 0,2: Xã Vĩnh An.

6. Huyện Phù Cát:

- Hệ số 0,2: Núi Gánh thuộc xã Cát Minh.

- Hệ số 0,1: Xã Cát Hải.

7. Huyện Vân Canh:

- Hệ số 0,4: Xã Canh Liên.

- Hệ số 0,3: Xã Canh Hiệp.

- Hệ số 0,2: Các xã: Canh Vinh, Canh Hiếu, Canh Thuận, Canh Hòa; thị trấn Vân Canh.

8. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,3: Trạm đèn đảo Cù lao Xanh, Lý Sơn.
- Hệ số 0,1: Trạm đèn đảo Phước Mai.

XXXVIII. TỈNH BÌNH THUẬN**1. Huyện Tuy Phong:**

- Hệ số 0,4: Xã Phan Dũng.
- Hệ số 0,3: Xã Phong Phú.
- Hệ số 0,1: Các xã: Vĩnh Hảo, Vĩnh Tân, Phú Lạc.

2. Huyện Bắc Bình:

- Hệ số 0,3: Các xã: Phan Lâm, Phan Sơn, Phan Điền.
- Hệ số 0,2: Các xã: Hồng Phong, Hòa Thắng, Bình An, Phan Tiến.
- Hệ số 0,1: Các xã: Sông Lũy, Sông Bình, Hải Ninh.

3. Huyện Hàm Thuận Bắc:

- Hệ số 0,5: Các xã: Đông Tiến, La Dạ, Đa Mi.
- Hệ số 0,4: Xã Đông Giang.
- Hệ số 0,1: Các xã: Hàm Phú, Thuận Minh, Hàm Trí, Thuận Hòa.

4. Huyện Hàm Thuận Nam:

- Hệ số 0,4: Xã Mỹ Thạnh.
- Hệ số 0,3: Xã Hàm Càn.

- Hệ số 0,2: Xã Hàm Thạnh.

- Hệ số 0,1: Các xã: Tân Lập, Tân Thành, Thuận Quý, Tân Thuận.

5. Huyện Tánh Linh:

- Hệ số 0,5: Xã La Ngâu.
- Hệ số 0,3: Các xã: Nghị Đức, Măng Tố, Bắc Ruộng, Huy Khiêm.
- Hệ số 0,2: Các xã: Gia Huynh, Đức Phú, Suối Kiệt, Đức Thuận, Đức Bình, Đồng Kho, Đức Tân.
- Hệ số 0,1: Xã Gia An, thị trấn Lạc Tánh.

6. Huyện Đức Linh:

- Hệ số 0,3: Xã Đa Kai.
- Hệ số 0,2: Các xã: Sùng Nhơn, Mỏ Pu.
- Hệ số 0,1: Các xã: Nam Chính, Đức Hạnh, Đức Tín, Trà Tân, Đông Hà, Tân Hà, Đức Chính, Vũ Hòa; thị trấn Võ Xu thị trấn Đức Tài.

7. Huyện Hàm Tân:

- Hệ số 0,1: Các xã: Tân Nghĩa, Tân Phúc, Sông Phan, Tân Đức, Tân Thắng, Sơn Mỹ; thị trấn Tân Minh.

8. Huyện Phú Quý:

- Hệ số 0,3: Các xã: Ngũ Phụng, Long Hải, Tam Thanh.

9. Các đơn vị khác

- Hệ số 0,7: Đảo Hòn Hải.

XXXIX. TỈNH NINH THUẬN

1. Huyện Bác Ái:

- Hệ số 0,5: Xã Phước Bình.
- Hệ số 0,3: Xã Phước Thành.
- Hệ số 0,2: Các xã: Phước Đại, Phước Hòa, Phước Tiến, Phước Tân, Phước Chính, Phước Trung, Phước Thắng.

2. Huyện Ninh Sơn:

- Hệ số 0,5: Xã Ma Nối.
- Hệ số 0,2: Xã Hòa Sơn.
- Hệ số 0,1: Thị trấn Tân Sơn, các xã: Mỹ Sơn, Quảng Sơn, Lâm Sơn, Lương Sơn.

3. Huyện Ninh Hải:

- Hệ số 0,3: Các xã: Phước Kháng, Phước Chiến.
- Hệ số 0,2: Các xã: Phương Hải, Vĩnh Hải.
- Hệ số 0,1: Các xã: Công Hải, Lợi Hải.

4. Huyện Ninh Phước:

- Hệ số 0,2: Các xã: Nhị Hà, Phước Hà.
- Hệ số 0,1: Xã Phước Thái.

XXXX. TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

1. Thành phố Vũng Tàu:

- Hệ số 0,1: Xã Long Sơn.

2. Huyện Châu Đức:

- Hệ số 0,2: Các xã: Láng Lớn, Suối Rao, Cù Bị.

- Hệ số 0,1: Các xã: Xuân Sơn, Suối Nghệ, Đá Bạc, Quảng Thành, Sơn Bình.

3. Huyện Xuyên Mộc:

- Hệ số 0,2: Xã Hòa Hiệp, Bàu Lâm, Tân Lâm.

- Hệ số 0,1: Các xã: Bưng Riềng, Hòa Hưng, Hòa Hội, Bông Trang, Bình Châu.

4. Huyện Đất Đỏ:

- Hệ số 0,1: Xã Lộc An.

5. Huyện Tân Thành:

- Hệ số 0,2: Các xã: Sông Xoài, Tóc Tiên.

- Hệ số 0,1: Các xã: Châu Pha, Hắc Dịch.

6. Huyện Côn Đảo:

- Hệ số 0,5: Toàn huyện.

7. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,4: Trạm đèn biển Bãi Cạnh.
- Hệ số 0,1: Các trạm đèn biển: Vũng Tàu, Cầu Đá, Cao Trạng, Cần gió A Van; Các trạm luồng sông: Phú Mỹ - Thị Vải, Phước Hòa - Thị Vải.

XXXXI. TỈNH BÌNH DƯƠNG

1. Huyện Dầu Tiếng:

- Hệ số 0,1: Các xã: Minh Tân, Minh Thạnh, Minh Hòa.

2. Huyện Phú Giáo:

- Hệ số 0,2: Các xã: An Linh, An Long, Phước Sang.

- Hệ số 0,1: Các xã: Vĩnh Hòa, An Bình, Tân Hiệp.

3. Huyện Tân Uyên:

- Hệ số 0,2: Các xã: Tân Định, Tân Thành, Lạc An.

XXXXII. TỈNH BÌNH PHƯỚC

1. Huyện Phước Long:

- Hệ số 0,7: Các xã: Đak Ô, Bù Gia Mập.

- Hệ số 0,3: Các xã: Đức Hạnh, Đa Kia, Phú Nghĩa.

- Hệ số 0,2: Các xã: Phước Tín, Phú Riêng, Phú Trung, Bù Nho, Long Hà, Long Tân, Long Hưng, Bình Thắng, Long Bình.

- Hệ số 0,1: Thị trấn Thác Mơ, Thị trấn Phước Bình; các xã: Sơn Giang, Bình Phước.

2. Huyện Lộc Ninh:

- Hệ số 0,2: Các xã: Lộc Tấn, Lộc Hòa, Lộc An, Lộc Thiện, Lộc Thành.

- Hệ số 0,1: Các xã: Lộc Hưng, Lộc Hiệp, Lộc Khánh, Lộc Thuận, Lộc Điền, Lộc Thái, Lộc Quang.

3. Huyện Bù Đốp:

- Hệ số 0,2: Các xã: Tân Tiến, Tân Thành, Thanh Hòa, Thiện Hưng, Hưng Phước.

4. Huyện Bình Long:

- Hệ số 0,1: Các xã: Đồng Nơ, Thanh Lương, An Khương, Thanh An, Minh Đức, Thanh Bình, Phước An, Tân Lợi, Tân Hưng, Thanh Phú, An Phú.

5. Huyện Đồng Phú:

- Hệ số 0,1: Các xã: Tân Hòa, Tân Lợi, Tân Hưng, Tân Lập, Tân Phước, Đồng Tâm, Thuận Lợi, Tân Tiến, Đồng Tiến, Thuận Phú; Thị trấn Tân Phú.

6. Huyện Bù Đăng:

- Hệ số 0,7: Xã Đak Nhou.

- Hệ số 0,5: Các xã: Thọ Sơn, Bom Bo, Đồng Nai.

- Hệ số 0,4: Xã Thống Nhất.

- Hệ số 0,3: Các xã: Minh Hưng, Đoàn Kết, Nghĩa Trung, Đăng Hà, Đức Liễu, Phước Sơn.

- Hệ số 0,2: Thị trấn Đức Phong.

7. Huyện Chơn Thành:

- Hệ số 0,1: Các xã: Minh Hưng, Minh Long, Nha Bích, Minh Lập, Tân Quan, Minh Thành, Minh Thắng.

XXXXIII. TỈNH TÂY NINH

1. Thị xã Tây Ninh:

- Hệ số 0,1: Các xã: Tân Bình, Thạnh Tân, Ninh Thạnh.

2. Huyện Tân Biên:

- Hệ số 0,2: Các xã: Hòa Hiệp, Tân Lập, Tân Bình.

- Hệ số 0,1: Các xã: Tân Phong, Thạnh Bình.

3. Huyện Tân Châu:

- Hệ số 0,2: Các xã: Tân Đông, Tân Hà, Suối Dây, Tân Thành, Suối Ngô, Tân Hòa.

- Hệ số 0,1: Các xã: Tân Hội, Tân Phú, Tân Hiệp.

4. Huyện Dương Minh Châu:

- Hệ số 0,2: Xã Suối Đá.

- Hệ số 0,1: Các xã: Phước Minh, Phước Ninh, Bến Củi.

5. Huyện Châu Thành:

- Hệ số 0,2: Các xã: Phước Vinh, Hòa Hội, Ninh Điền, Biên Giới, Hòa Thạnh.

- Hệ số 0,1: Các xã: Long Vĩnh, Thành Long.

6. Huyện Bến Cầu:

- Hệ số 0,2: Các xã: Long Phước, Long Khánh, Long Thuận.

- Hệ số 0,1: Các xã: Tiên Thuận, Long Chũ, Long Giang, Lợi Thuận

7. Huyện Trảng Bàng:

- Hệ số 0,2: Xã Bình Thạnh.

- Hệ số 0,1: Các xã: Phước Lưu, Phước Chỉ, Đôn Thuận.

XXXXIV. TỈNH KIÊN GIANG

1. Thị xã Hà Tiên:

- Hệ số 0,4: Xã Tiên Hải.

- Hệ số 0,1: Các xã: Mỹ Đức, Thuận Yên; Trạm đèn Hà Tiên; Các phường: Tô Châu, Bình San, Đông Hồ, Pháo Đài.

2. Huyện Kiên Lương:

- Hệ số 0,5: Các xã: Hòn Nghệ, Sơn Hải.

- Hệ số 0,2: Các xã: Phú Mỹ, Tân Khánh Hòa, Vĩnh Điều, Hòa Điền, Bình An, Dương Hòa.

- Hệ số 0,1: Thị trấn Kiên Lương.

3. Huyện Phú Quốc:

- Hệ số 0,7: Xã Thổ Châu.

- Hệ số 0,5: Các xã: Dương Tơ, Hàm Ninh, Cửa Dương, Bãi Thơm, Cửa Cạn, Gành Dầu, Hòn Thơm.

- Hệ số 0,4: Thị trấn Dương Đông, thị trấn An Thới.

4. Huyện Kiên Hải:

- Hệ số 0,5: Các xã: Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn.

XXXXV. TỈNH LONG AN

1. Thị xã Tân Hưng:

- Hệ số 0,3: Xã Hưng Điền B.

- Hệ số 0,2: Các xã: Vĩnh Thạnh, Hưng Thạnh, Vĩnh Châu A, Vĩnh Đại, Vĩnh Châu B, Vĩnh Lợi, Thạnh Hưng, Hưng Hà, Hưng Điền.

2. Huyện Vĩnh Hưng:

- Hệ số 0,3: Các xã: Thái Bình Trung, Thái Trị, Hưng Điền A, Khánh Hưng.

- Hệ số 0,2: Các xã: Tuyên Bình, Vĩnh Trị, Vĩnh Thuận, Vĩnh Bình, Tuyên Bình Tây.

3. Huyện Mộc Hóa:

- Hệ số 0,3: Các xã: Thạnh Trị, Bình Tân.

- Hệ số 0,2: Các xã: Tuyên Thạnh, Thạnh Hưng, Tân Lập, Tân Thành, Bình Phong Thạnh, Bình Hòa Đông, Bình Hòa Trung, Bình Thạnh, Bình Hòa Tây, Bình Hiệp.

4. Huyện Tân Thạnh:

- Hệ số 0,2: Các xã: Nhơn Hòa Lập, Hậu Thạnh Đông, Hậu Thạnh Tây, Bắc Hòa, Tân Thành, Tân Ninh, Nhơn Ninh.

- Hệ số 0,1: Các xã: Kiến Bình, Tân Lập, Nhơn Hòa, Tân Hòa, Tân Bình.

5. Huyện Thạnh Hóa:

- Hệ số 0,3: Các xã: Tân Hiệp, Thuận Bình.

- Hệ số 0,2: Các xã: Thuận Nghĩa Hòa, Thạnh Phú, Thạnh Phước.

- Hệ số 0,1: Các xã: Tân Đông, Tân Tây, Thủy Đông, Thủy Tây.

6. Huyện Đức Huệ:

- Hệ số 0,3: Các xã: Mỹ Quý Đông, Mỹ Thạnh Tây.

- Hệ số 0,2: Các xã: Mỹ Quý Tây, Bình Hòa Hưng, Bình Thành, Bình Hòa Nam, Bình Hòa Bắc.

- Hệ số 0,1: Các xã: Mỹ Thạnh Đông, Mỹ Thạnh Bắc.

7. Huyện Đức Hòa:

- Hệ số 0,1: Xã An Ninh Tây.

8. Huyện Bến Lức:

- Hệ số 0,2: Các xã: Thạnh Lợi, Thạnh Hòa.

- Hệ số 0,1: Xã Bình Đức.

9. Huyện Thủ Thừa:

- Hệ số 0,2: Các xã: Long Thạnh, Long Thuận, Mỹ Lạc, Mỹ Thạnh, Tân Thành.

- Hệ số 0,1: Xã Mỹ An.

10. Huyện Tân Trụ:

- Hệ số 0,1: Các xã: Tân Phước Tây, Nhựt Ninh.

11. Huyện Cần Đước:

- Hệ số 0,2: Các xã: Tân Chánh, Long Hựu Đông, Long Hựu Tây.

12. Huyện Cần Giuộc:

- Hệ số 0,2: Các xã: Long Hậu, Phước Vĩnh Tây, Đông Thạnh, Long Phụng, Phước Vĩnh Đông, Tân Tập.

- Hệ số 0,1: Xã Phước Lại.

13. Huyện Châu Thành:

- Hệ số 0,1: Các xã: Thanh Vĩnh Đông, Thuận Mỹ.

XXXXVI. TỈNH ĐỒNG NAI

1. Thị xã Long Khánh:

- Hệ số 0,1: Các xã: Bảo Vinh, Bảo Quang.

2. Huyện Tân Phú:

- Hệ số 0,5: Xã Đak Lua.
- Hệ số 0,4: Xã Nam Cát Tiên.
- Hệ số 0,3: Các xã: Phú An, Núi Tượng, Tà Lài.
- Hệ số 0,2: Các xã: Phú Lập, Phú Điền, Thanh Sơn.
- Hệ số 0,1: Các xã: Phú Lâm, Phú Lộc, Phú Trung, Phú Sơn, Phú Thịnh, Phú Bình, Phú Thanh, Phú Xuân.

3. Huyện Vĩnh Cửu:

- Hệ số 0,4: Xã Phú Lý.
- Hệ số 0,2: Thị trấn Vĩnh An; xã Tri An.
- Hệ số 0,1: Các xã: Tân An, Vĩnh Tân.

4. Huyện Định Quán:

- Hệ số 0,3: Xã Thanh Sơn.
- Hệ số 0,2: Xã Phú Tân.
- Hệ số 0,1: Các xã: Phú Ngọc, Túc Trưng, Ngọc Định, Phú Hòa, Phú Túc, Phú Lợi, Phú Cường, Phú Vinh, La Ngà, Gia Canh, Suối Nho.

5. Huyện Trảng Bom:

- Hệ số 0,1: Các xã: Sông Thao, Sông Trầu, An Viễn, Đồi 61.

6. Huyện Thống Nhất:

- Hệ số 0,1: Các xã: Xuân Thiện, Xuân Thạnh, Lộ 25.

7. Huyện Cẩm Mỹ:

- Hệ số 0,2: Các xã: Xuân Tây, Sông Rây, Lâm San.

- Hệ số 0,1: Các xã: Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Đường, Long Giao, Xuân Mỹ, Thừa Đức, Bảo Bình, Xuân Đông, Xuân Bảo.

8. Huyện Xuân Lộc:

- Hệ số 0,2: Xã Xuân Hòa.
- Hệ số 0,1: Các xã: Xuân Tâm, Xuân Trường, Xuân Thọ, Xuân Bắc, Lang Minh, Xuân Thành, Xuân Hưng, Suối Cao.

XXXXVII. TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Huyện Tân Hồng:

- Hệ số 0,2: Các xã: Thông Bình, Tân Thành A, Tân Thành B, Bình Phú, Tân Hộ Cơ.

- Hệ số 0,1: Các xã: Tân Công Chí, Tân Phước, An Phước.

2. Huyện Hồng Ngự:

- Hệ số 0,2: Các xã: Thường Phước 1, Thường Thới Hậu A, Bình Thạnh, Thường Thới Hậu B, Tân Hội.

- Hệ số 0,1: Các xã: Thường Phước 2, An Bình B, Thường Thới Tiền, Phú Thuận A, Phú Thuận B, Long Khánh A, Long Khánh B, Long Thuận.

3. Huyện Tam Nông:

- Hệ số 0,2: Xã Hòa Bình.

- Hệ số 0,1: Các xã: Phú Ninh, Phú Thọ, Tân Công Sinh, An Hòa, Phú Cường, Phú Đức, Phú Hiệp, Phú Thành A, Phú Thành B.

4. Huyện Tháp Mười:

- Hệ số 0,2: Xã Thạnh Lợi.

- Hệ số 0,1: Các xã: Láng Biển, Mỹ Đông, Mỹ An, Hưng Thạnh, Tân Kiều, Trường Xuân, Mỹ Hòa, Phú Điền, Thanh Mỹ, Mỹ Quý, Đốc Binh Kiều.

5. Huyện Cao Lãnh:

- Hệ số 0,1: Các xã: Phương Thịnh, Ba Sao, Bình Thạnh, Gáo Giồng, Tân Hội Trung.

6. Huyện Thanh Bình:

- Hệ số 0,1: Các xã: Tân Mỹ, Bình Tấn, Phú Lợi, Tân Hòa, Tân Quới, Tân Bình, Tân Huệ, Tân Long.

7. Huyện Lấp Vò:

- Hệ số 0,1: Xã Long Hưng A.

8. Huyện Châu Thành:

- Hệ số 0,1: Các xã: An Khánh, An Phú Thuận, Hòa Tân.

XXXXVIII. TỈNH CÀ MAU

1. Huyện U Minh:

- Hệ số 0,2: Các xã: Nguyễn Phích, Khánh Lâm, Khánh Hòa.

- Hệ số 0,1: Các xã: Khánh An, Khánh Tiến.

2. Huyện Thới Bình:

- Hệ số 0,2: Các xã: Biển Bạch Đông, Biển Bạch.

- Hệ số 0,1: Các xã: Thới Bình, Tân Phú, Trí Phải.

3. Huyện Trần Văn Thời:

- Hệ số 0,2: Các xã: Khánh Hải, Khánh Hưng.

- Hệ số 0,1: Các xã: Phong Lạc, Khánh Bình Đông, Khánh Bình, Lợi An, Trần Hợi, Khánh Bình Tây, Khánh Bình Tây Bắc; thị trấn Sông Đốc.

4. Huyện Cái Nước:

- Hệ số 0,1: Các xã: Hưng Mỹ, Đông Thới.

5. Huyện Đầm Dơi:

- Hệ số 0,2: Các xã: Thanh Tùng, Tân Tiến, Nguyễn Huân, Tân Thuận.

- Hệ số 0,1: Các xã: Trần Phán, Tạ An Khương, Quách Phẩm, Tân Đức.

6. Huyện Năm Căn:

- Hệ số 0,2: Các xã: Hiệp Tùng, Tam Giang, Đất Mới.

- Hệ số 0,1: Các xã: Hàm Rồng, Hàng Vịnh.

7. Huyện Phú Tân:

- Hệ số 0,2: Các xã: Tân Hưng Tây, Phú Tân.

- Hệ số 0,1: Các xã: Việt Khái, Phú Mỹ, Thị trấn Cái Đôi Vàm.

8. Huyện Ngọc Hiển:

- Hệ số 0,3: Xã Đất Mũi.

- Hệ số 0,2: Các xã: Tân Ân, Viên An, Viên An Đông.

9. Các đơn vị khác:

- Hệ số 0,5: Các đảo: Hòn Khoai, Hòn Chuối, Hòn Buông, Hòn Đá Bạc, Hòn Dương.

XXXXIX. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Huyện Cần Giờ:

- Hệ số 0,1: Các xã: Bình Khánh, Long Hòa, Lý Nhơn, An Thới Đông, Tam Thôn Hiệp, Thạnh An; thị trấn Cần Thạnh.

XXXXX. CÁC ĐƠN VỊ KHÁC THUỘC BỘ CÔNG AN

- Hệ số 0,5: Trại giam Đại Bình (Lâm Đồng).

- Hệ số 0,4: Các Trại giam: Côn Cát

(thuộc tỉnh Sóc Trăng), Hồng Ca (thuộc tỉnh Yên Bái), T15 (thuộc tỉnh Gia Lai), Phân trại K2 trại giam Thanh Lâm (thuộc tỉnh Thanh Hóa).

- Hệ số 0,3: Các Trại giam: Phân trại K2 trại giam Quảng Ninh (thuộc tỉnh Quảng Ninh), Thanh Cẩm (thuộc tỉnh Thanh Hóa), Gia Trung (thuộc tỉnh Gia Lai), Phân trại K1 trại giam An Điền (thuộc tỉnh Quảng Nam), Tân Lập (thuộc tỉnh Phú Thọ), Xuyên Mộc (thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu), Bình Điền (thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế), Số 3 và Số 6 (thuộc tỉnh Nghệ An), Xuân Phước (thuộc tỉnh Phú Yên), Vĩnh Quang (thuộc tỉnh Vĩnh Phúc), Phân trại K2 trại giam Ngọc Lý (thuộc tỉnh Bắc Giang).

- Hệ số 0,2: Các Trại giam: Thanh Phong, số 5 (thuộc tỉnh Thanh Hóa), Tống Lê Chân (thuộc tỉnh Bình Phước), A2 (thuộc tỉnh Khánh Hòa), An Phước (thuộc tỉnh Bình Dương), Sông Cái (thuộc tỉnh Ninh Thuận), Trại giam Kim Sơn (thuộc tỉnh Bình Định), Thủ Đức (thuộc tỉnh Bình Thuận), Cái Tàu (thuộc tỉnh Cà Mau), Thạnh Hóa (thuộc tỉnh Long An), Xuân Lộc (thuộc tỉnh Đồng Nai), Hoàng Tiến (thuộc tỉnh Hải Dương), Cơ sở giáo dưỡng Hoàn Cát (thuộc tỉnh Quảng Trị).

- Hệ số 0,1: Các Trại giam: Cao Lãnh (thuộc tỉnh Đồng Tháp), Kênh 7 (thuộc tỉnh Kiên Giang), Xuân Nguyên (thuộc Thành phố Hải Phòng), Đồng Tháp (thuộc tỉnh Tiền Giang), Cây Cầy (thuộc

tỉnh Tây Ninh), Kênh 5 (thuộc tỉnh Hậu Giang), Định Thành (thuộc tỉnh An Giang), Châu Bình (thuộc tỉnh Bến Tre), Phân trại K1 trại giam Quảng Ninh (thuộc tỉnh Quảng Ninh), Phân trại K1 trại giam Ngọc Lý (thuộc tỉnh Bắc Giang), Số 1 (thuộc tỉnh Bình Dương); Trường giáo dưỡng số 5 (thuộc tỉnh Long An), Cơ sở giáo dục A1 (thuộc tỉnh Phú Yên), Cơ sở giáo dục Bến Giá (thuộc tỉnh Trà Vinh), Cơ sở giáo dục Huy Khiêm (thuộc tỉnh Bình Thuận), Cơ sở giáo dục Suối Hai (thuộc tỉnh Hà Tây), Cơ sở giáo dục Xuân Hà (thuộc tỉnh Hà Tĩnh), Trại giam công an tỉnh Ninh Bình; Trường giáo dưỡng số 2 (thuộc tỉnh Ninh Bình), trường giáo dưỡng số 4 (thuộc tỉnh Đồng Nai).

XXXXXI. CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT VÀ HÀNH CHÍNH KHÁC

1. Các trạm đèn đảo thuộc Bộ Giao thông vận tải:

- Hệ số 0,1: Các trạm đèn đảo: Ba Lạt thuộc tỉnh Thái Bình; Quất Lâm thuộc tỉnh Nam Định; Ba Đông thuộc tỉnh Cửu Long (cũ); Cao Trạm, Cao Thắng thuộc tỉnh Cần Thơ.

2. Các đài phát sóng:

- Hệ số 0,2: Đài VN-1, Đài Chương Mỹ thuộc tỉnh Hà Tây, Đài Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang.

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 02/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Thi hành Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn bảng lương chức vụ, bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước; bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát và Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Cán bộ bầu cử trong các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (cấp huyện) thuộc diện xếp lương theo ngạch,